VCP
Năng lượng mới vươn tới đỉnh cao

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Sơn La, tháng 4 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

GIẤY MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La trân trọng thông báo và kính mời Quý vị cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

- **Thời gian họp: Bắt đầu từ 14 giờ 00 phút ngày 05 tháng 4 năm 2024**
- **Địa điểm:** Phòng họp, Văn phòng làm việc Công ty tại Nhà máy Thủy điện Nậm La, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
- **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông của Công ty chốt đến ngày 11/3/2024 có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Quý vị cổ đông nào không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản *(theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Giấy mời).*
- **Nội dung Đại hội:** Theo Chương trình Đại hội đính kèm Giấy mời.
- **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**
  - Để Đại hội được tổ chức chu đáo, đề nghị Quý vị cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty chậm nhất là trước **17h00 ngày 04/4/2024,** bằng cách gửi trực tiếp, chuyển phát nhanh hoặc gửi Email: namla.vcp@gmail.com
  - Quý vị cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Giấy mời họp, CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu (sao y công chứng trong vòng 06 tháng) và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền dự họp).
  - Quý vị cổ đông cần thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Phòng Tài chính - Kế toán (Mr Hạnh KTT, ĐT 098 291 6699), địa chỉ: Tầng 19, toà nhà VINACONEX, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA

Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP ĐHĐCĐ
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
(05/4/2024)

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	
2	Giấy xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	
3	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	
4	Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	
5	Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2023 và KH SXKD năm 2024	
6	Báo cáo của HĐQT về thực hiện năm 2023 và nhiệm vụ KH SXKD năm 2024	
7	Báo cáo của BKS về thực hiện năm 2023 và nhiệm vụ KH năm 2024	
8	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023	
9	Tờ trình thù lao HĐQT và BKS	
10	Tờ trình phương án lợi nhuận năm 2023 và tạm ứng cổ tức năm 2024	
11	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024	
12	Tờ trình về giao dịch huy động vốn	
13	Tờ trình miễn nhiệm TV HĐQT và Bầu bổ sung TV HĐQT	
14	Biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2024 (dự thảo)	
15	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 (dự thảo)	
	Các phụ lục	
	Chi tiết thực hiện SXKD năm 2023 và KH SXKD năm 2024	
	Báo cáo Tài chính sau kiểm toán	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN/ ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội - Công ty CP Thuỷ điện Nậm La

- Tên cổ đông: .....
- Địa chỉ: .....
- CMND/Giấy CNĐKDN số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp:.....
- Số cổ phần sở hữu tại ngày 11/3/2024 là: ..... cổ phần.
  (Bằng chữ: .....)

Tôi xác nhận rằng:

1. ☐ Đồng ý tham dự Đại hội

2. ☐ Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:

- Họ và tên người được ủy quyền: .....
- Địa chỉ: .....
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày.....tại.....

3. Hoặc ủy quyền cho 1 trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

☐ Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch
☐ Ông Phạm Văn Minh - Phó CT
☐ Ông Phạm Quang Minh - Ủy viên

4. Nội dung ủy quyền:

- Được thay mặt Người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La, tổ chức vào ngày 05/4/2024 tại Sơn La có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần Người ủy quyền sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.
- Người được uỷ quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và phải thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Người ủy quyền biết.

5. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:

- Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La.

....., ngày.....tháng..... năm 2024

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN	CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu nếu là tổ chức)*

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
web:vcpholdings.com.vn/namla

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thời gian: 14h00 phút, Thứ Sáu, ngày 05/4/2024

Địa điểm: Văn phòng - Công ty CP thuỷ điện Nậm La tại NM Nậm La (xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La).

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	GHI CHÚ
14h00-14h30	- Tiếp đón và đăng ký đại biểu tham dự Đại hội	
	- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội	
	- Phát tài liệu, Phiếu biểu quyết	
14h30-15h00	- Tuyên bố lý do Khai mạc Đại hội, Giới thiệu đại biểu, Giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông	
	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	
	- Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	
	- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội	
	- Thông qua Chương trình Đại hội	
15h00-16h30	- Báo cáo kết quả HĐ SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của HĐQT	
	- Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của HĐQT	
	- Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS	
	- Báo cáo tài chính đã kiểm toán của công ty năm 2023	
	- Tờ trình QT thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và KH thù lao năm 2024	
	- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2023	
	- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024	
	- Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT quyết định về giao dịch huy động vốn	
	- Tờ trình thông qua Miễn nhiệm TV HĐQT và Bầu bổ sung TV HĐQT	
	- Thảo luận về các Báo cáo và Tờ trình - Biểu quyết các bc và tờ trình	
16h30-17h00	- Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	

Lưu ý: *Chương trình Đại hội trên có thể thay đổi theo tình hình thực tế trong quá trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM LA

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA

Căn cứ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Thủy điện Nậm La.

Mục tiêu của Quy chế:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải dời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho ít nhất 51% Tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 phải được triệu tập trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho ít nhất 33% Tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba sẽ được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi Mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết *(sở hữu và ủy quyền)* của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La.

2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến hoặc có ý kiến khác) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại Hội đồng đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Tổ kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết.
- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý, có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

3. Thể lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giơ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông giơ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ toạ Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ toạ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ toạ có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

VIII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Web: vcpholdings.com.vn/namla/

Số: 01/2024/NLA-HĐQT

Sơn La, ngày 15 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả SXKD năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

Thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/5/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Hội đồng quản trị xin báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2023, cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN

Thuỷ điện Nậm La: Năm 2023 là năm có thủy văn không thuận lợi, khu vực miền Bắc khô hạn, ít mưa với lưu lượng phát điện bình quân chỉ đạt 3,12 m3/s, bằng 85% so với dự kiến đầu năm, do vậy sản lượng và doanh thu năm không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiện, nhờ sự phối hợp chặt chẽ, điều tiết nhịp nhàng theo mực nước hàng tuần, hàng tháng giữa Ban quản lý hồ Bản Mòng với Công ty, nên công tác vận hành phát điện giờ cao điểm mùa khô vẫn đạt kết quả rất tốt, và là năm có hiệu suất chạy máy cao điểm tốt nhất, với công suất trung bình đạt 25,7 MW/h cho 5 giờ cao điểm (chỉ thấp hơn năm có thủy văn tốt nhất 2018).

Thuỷ điện Tắt Ngoẵng: Trong năm 2023 lưu lượng nước về hồ rất ít, thấp hơn trung bình trung từ khi Nhà máy đi vào vận hành đến nay, lưu lượng phát điện chỉ đạt 3,72m3/s, bằng 78% so với dự kiến đầu năm. Mặt khác trong năm, nhà máy phải dừng máy 40 ngày để thực hiện cải tạo hạ lưu và 10 ngày tiểu tu sửa chữa các tổ máy do đó kết quả SXKD năm 2023 không đạt kế hoạch đề ra.

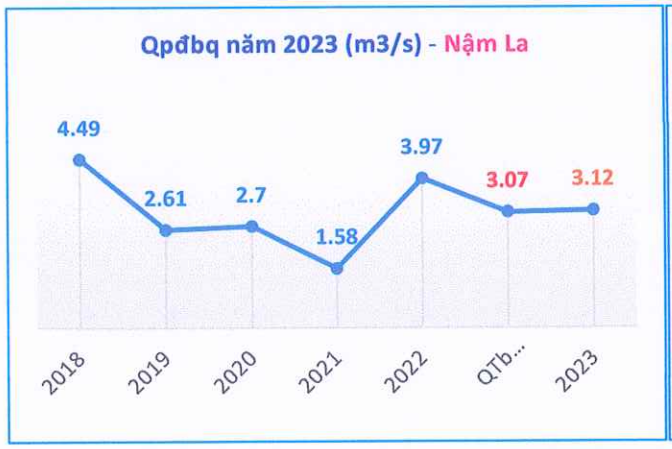

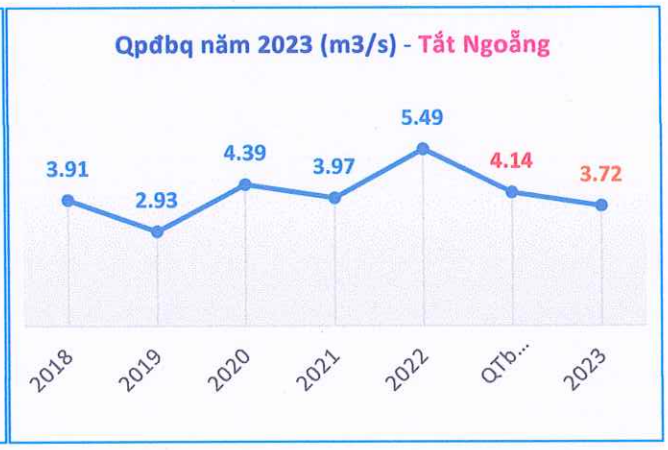

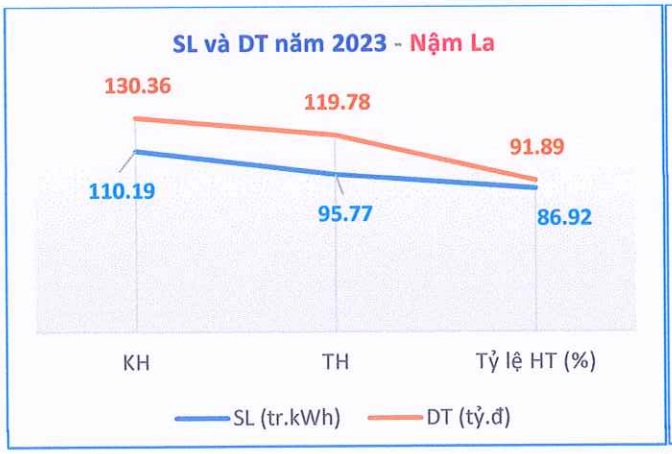

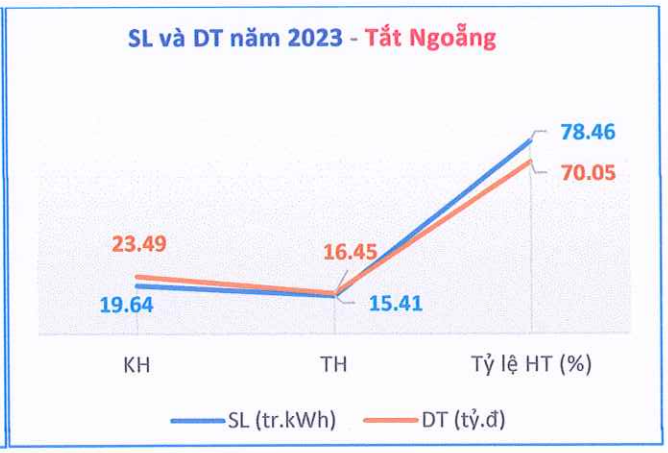

Một số dấu ấn phát điện năm 2023:

Năm 2023, Công ty đã tập trung tính toán, điều chỉnh và ban hành **Quy trình vận hành hiệu quả** của hai Nhà máy. Quy trình đã được điều chỉnh phù hợp với cột nước, mực nước vào từng thời điểm theo ngày, mùa để đảm bảo sử dụng nước tối ưu nhất với mực nước và lưu lượng nước về. Từ đó tối ưu suất tiêu hao nước/ 1kWh điện.

Thủy điện Nậm La:	Thủy điện Tắt Ngoẵng:
➢ Công suất phát giờ cao điểm (B2) mùa khô bình quân đạt: **~25,7/27MW**. Bình quân giai đoạn (2012-2022) chỉ đạt **23,6/27MW,** và cao hơn 3% so với năm 2022.	➢ Sau khi cải tạo bể xả và kênh xả hạ lưu: Khi đủ nước phát, công suất 2TM không bị giảm do dềnh hạ lưu - làm giảm cột nước như những năm trước. (Khi chưa cải tạo chỉ chạy full CS 15-20 phút đầu tiên, sau đó giảm dần do dềnh hạ lưu).
➢ Sản lượng bình quân ngày B2 mùa khô đạt: **127.914 kWh/ngày**, cao hơn bình quân giai đoạn (2012-2022) là **9.697 kWh/ngày (~25,8 tr.đ/ngày).**	➢ Tỷ trọng Qpđ bằng **57%** nhưng tỷ trọng phát điện B2 vẫn bằng **68%** so với năm 2022 (2022 là năm phát điện tốt nhất của Nhà máy từ khi vận hành).
➢ Sự cố chủ quan: Không xảy ra; ➢ Sự cố khách quan: 02 sự cố, giảm 03 sự cố so với năm 2022.	➢ Sự cố chủ quan: Không xảy ra; ➢ Sự cố khách quan: 02 sự cố, giảm 08 sự cố so với năm 2022.
➢ Luôn chủ động phối hợp với Hồ Bản Mòng diều tiết nước phù hợp, hiệu quả nhất với mực nước hồ. Lưu lượng xả sẽ thay đổi khi Nhà máy có sự cố hoặc đề xuất giảm xả khi lưu vực hạ lưu Hồ Bản Mòng có mưa.	➢ Luôn chủ động tích nước phù hợp, hiệu quả vào khung giờ cao điểm
➢ Không để xảy ra mất an toàn lao động, cháy nổ trong sản suất. ➢ ANTT khu vực Nhà máy, CNN, tuyến năng lượng, Đường dây 110kV được đảm bảo.	➢ Không để xảy ra mất an toàn lao động, cháy nổ trong sản suất. ➢ ANTT khu vực Nhà máy, CNN, tuyến năng lượng, Đường dây 110kV được đảm bảo.

II. QUẢN LÝ TÀI SẢN, MÁY MÓC THIẾT BỊ

Năm 2023, công tác quản lý tài sản, máy móc thiết bị được tập trung ngay từ đầu năm.

- Hai Nhà máy đã được đưa ra bảo dưỡng tổng thể, một số tồn tại về hiệu suất từ những năm trước của hai Nhà máy đã được khắc phục tương đối tốt. Đơn vị chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng là Công ty Cổ phần Cơ điện VCP (M&E, thuộc VCP Holdings) đã luôn sát sao và đồng hành cùng hai Nhà máy, đã tìm hiểu, khảo sát kỹ lưỡng về tình trạng thực tế của MMTB. Sau khi hoàn thành đã đảm bảo MMTB vận hành liên tục, an toàn và hiệu quả hơn, số lượng sự cố giảm rất nhiều so với những năm trước, đặc biệt Thủy điện Tắt Ngẵng giảm đến 80% sự cố so với năm 2022 (chỉ còn 2 sự cố dừng máy).
- Hai Nhà máy đã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng để thúc đẩy SXKD hiệu quả, tổng quan khang trang, sạch đẹp hơn.
- Được sự đồng ý của HĐQT, ngày 21/3/2023 Công ty đã ký hợp đồng **Xác lập sở hữu chung hợp nhất** về việc **chia sẻ Đường dây 110kV** của Công ty với Công ty CP Năng lượng Dầu khí Toàn cầu - Đơn vị chủ đầu tư **Thủy điện Nậm Pàn 5**, với giá trị thu về 60 tỷ đồng (trước thuế). Hiện tại đối tác đã thanh toán 30 tỷ đồng và thanh toán phần còn lại (cả thuế) là 36 tỷ đồng trước 05/7/2024.

Các công việc đã thực hiện được như sau:

1. Thủy điện Nậm La:

1.1. Sửa chữa, bảo dưỡng MMTB:

- Hoàn thành tiểu tu bảo dưỡng 3TM từ 04/02/2023 đến 28/02/2023;
- Sơn và quấn lại cách điện cho cả 03 tổ máy (cách điện không đảm bảo do thời gian dài sử dụng);
- Cải tạo nâng cấp hệ thống giám sát, điều khiển tự động nhà máy từ tháng 12/2023 (dự kiến hoàn thành trong Quý II/2024);

- Mua mới 01 tuabin gáo từ đơn vị cung cấp BFL Ấn Độ (dự kiện nhận hàng vào tháng 4/2024);
- Định kỳ hàng tháng kiểm tra, phát tuyến đường dây 110kV và đường ống tuyến năng lượng - đường ống áp lực. Tuyến đường dây và tuyến năng lượng hoạt động bình thương, không xảy ra sự cố;
- Sửa chữa máy vớt rác Cửa nhận nước, đảm bảo máy hoạt động bình thường;
- Thay mới và sửa chữa hệ thống PCCC theo yêu cầu của CS PCCC Sơn La.

1.2. Cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng:

- Bê tông hóa hơn 2km đường quản lý vận hành từ Nhà máy đến Đường tỉnh lộ DT106;
- Chỉnh trang, nâng cấp Nhà máy và bê tông hoá xung quanh nhà máy;
- Sơn, sửa lại tường bao, hàng rào TPP 110kV và hoàn thiện hệ thống bể nước PCCC tại trạm;
- Chỉnh trang, sơn mới khu vực Cửa nhận nước;
- Chỉnh trang khu nhà ở CBCNV.

2. Thủy điện Tắt Ngoẵng:

2.1. Sửa chữa, bảo dưỡng MMTB:

- Hoàn thành tiểu tu, bảo dưởng 2TM từ 25/12/2022 đến 14/01/2023;
- Mua 1 máy phát diezel dự phòng 50kVA (thay thế máy cũ thường xuyên hỏng hóc);
- Thí nghiệm định kỳ trạm biến áp tự dùng 180kVA-35/0,4 kV;
- Thay mới một số sứ ĐZ 110kV bị nứt, vỡ.
- Định kỳ hàng tháng kiểm tra, phát tuyến đường dây 110kV và đường ống tuyến năng lượng - đường ống áp lực. Tuyến đường dây và tuyến năng lượng hoạt động bình thương, không xảy ra sự cố.

2.2. Cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng:

- Cải tạo, nâng cấp mở rộng bể xả, cửa xả và kênh xả hạ lưu Nhà máy để nâng cao hiệu quả phát điện;
- Cải tạo, nâng cấp Đường QLVH xung quanh Nhà máy và Đường lên từ Nhà máy lên khu ở CBCNV;
- Xây bổ sung kho thiết bị dự phòng và nhà WC Nhà máy;
- Sửa chữa, chỉnh trang khu nhà ở tập thể CBCNV;
- Nạo vét bùn đất lòng hồ để bổ sung dung tích chứa;
- Làm lại cầu thang bê tông - cốt thép từ sàn lắp giáp xuống sàn gian máy (thay cầu thang sắt cũ).

(Một số hình ảnh công tác quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Phụ lục đính kèm)

III. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ NHÂN SỰ

1. Tinh gọn bộ máy gián tiếp:

Tiếp nối lộ trình tái cấu trúc, kiện toàn bộ máy quản trị và vận hành trong toàn hệ thống VCP Holdings, trong năm 2023, Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy, phân bổ nguồn lực hợp lý để phát huy tối đa chất lượng nhân lực. Trong năm Công ty đã giảm 01 kế toán và 01 tạp vụ, phù hợp với tình hình chung của toàn hệ thống và vẫn đảm bảo công tác SXKD liên tục, hiệu quả. Chi phí nhân công tiết **giảm ~300 triệu/năm**.

2. Chất lượng nguồn nhân lực:

Trong năm 2023, đào tạo và đào tạo nội bộ là giải pháp tối ưu trong bối cảnh vừa đảm bảo tiết giảm chi phí, vừa không làm suy giảm mục tiêu đào tạo và phát triển. Tận dụng các lợi thế sẵn có của đội ngũ nhân sự chất lượng, đồng bộ và sự đa dạng của loại hình nhà máy điện trong hệ thống, các phương án đào tạo và đào tạo nội bộ đã và đang được triển khai tích cực:

- Trong năm 2023, Công ty đã phối hợp với Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Miền Bắc (A1) đào tạo, tổ chức thi cấp chứng chỉ/ gia hạn chứng chỉ Trưởng ca cho 2 Nhà máy. Hiện tại 2 Nhà máy đã đủ số lượng Trưởng ca đạt yêu cầu của EVN;
- Phối hợp với M&E đào tạo thêm chuyên môn sửa chữa nhỏ cho nhân viên vận hành;
- Lãnh đạo hai Nhà máy hàng quý tổ chức đào tạo nội bộ, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao tay nghề và truyền thông những quy định mới của ngành.

3. Các chế độ đối với CBCNV:

- Các chế độ đãi ngộ đã dần được điều chỉnh theo Hệ thống VCP Holdings. Căn cứ kết quả hoạt động SXKD, CBCNV Công ty được hưởng >13 tháng lương và các ngày Lễ, Tết, ngày thành lập Công ty cũng được HĐQT động viên khích lệ;
- CBCNV được hưởng các quyền lợi, như bảo hiểm sức khỏe (ngoài chế độ theo Luật LĐ); hàng năm được thăm khám tổng thể; được tham gia đầy đủ các hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên,...
- Tổ chức tham quan du lịch 1 lần/năm;
- Được cung cấp đầu đủ bảo hộ lao động;
- 100% CBCNV hài lòng về môi trường làm việc của Công ty.

4. Cải cách hệ thống quản trị thông qua dự án SAP:

SAP - Phần mềm hoạch định doanh nghiệp nổi tiếng, được các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới lựa chọn làm công cụ tối ưu hoá hiệu quả hoạt động. Có thể nhận định, dự án triển khai **SAP tại VCP holdings** là một trong những dấu ấn cải cách mạnh mẽ và đắt giá nhất, khởi đầu lộ trình hiện đại hoá theo chiều sâu, tạo nền móng cho phát triển ổn định và tăng trưởng bền vững. Trong năm 2023, cùng VCP holdings, đội ngũ nhân sự Nậm La đã khẩn trương đẩy mạnh tiến độ để đưa SAP vào vận hành. Bên cạnh các chức năng chuẩn, các chức năng phát triển phục vụ việc quản trị đặc thù của ngành đã được khai thác, cụ thể:

➢ **Mảng bảo trì, sửa chữa:**
- Theo dõi được chi phí phát sinh theo từng đầu mục công việc sửa chữa từ giải pháp liên phân hệ PM-FI.
- Kiểm soát được danh mục vật tư của toàn hệ thống từ giải pháp liên phân hệ PM-MM.
- Thống kê được lịch sử thiết bị từ giải pháp mô tả cấu trúc máy móc trên phân hệ PM.

➢ **Mảng năng lượng:**

Phát triển các báo cáo đặc thù của khối năng lượng từ giải pháp các chiều phân tích: Sản lượng điện theo khung giờ/mùa/khu vực địa lý/lĩnh vực phát điện;...

➢ **Mảng dịch vụ, xây lắp:**
- Phát triển Báo cáo kế hoạch - Thực hiện: Theo dõi tỷ lệ thực hiện/kế hoạch tại bất kỳ thời điểm;
- Phát triển báo cáo doanh thu, giá vốn, lãi lỗ theo từng hợp đồng từ giải pháp phân tích khi nhập liệu.
- Phát triển báo cáo tiến độ giá trị thực hiện dự án đầu tư: chia theo các hạng mục xây lắp, theo dự toán, tỷ lệ giải ngân theo vốn vay/theo vốn điều lệ của từng hạng mục từ giải pháp quản lý ngân sách tại phân hệ tài sản.

5. Một số công tác khác:

Xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo Hệ thống VCP:

- Chú trọng đến quyền lợi, phúc lợi cho người lao động;
- Nâng cao ý thức an toàn lao động;
- Cải thiện môi trường làm việc cho CBCNV: giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn;
- Đầu tư cho đào tạo và phát triển;
- Duy trì và đảm bảo hiệu quả nguồn tài nguyên nước bằng hiệu suất tối đa;
- Ứng dụng những công cụ quản lý tiên tiến, như: Duy trì tính hiệu quả 5S tại nơi làm việc và nơi ở; ...

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

1. Kết quả kinh doanh:

Doanh thu: Doanh thu bán điện **đạt 136,25 tỷ đồng**, tương đương 88,56% so với KH năm và 85,30% so với năm 2022, (trong đó NM Nậm La đạt 119,78 tỷ đồng, tương đương 91,88% KH năm và 89,91% so với năm 2022. NM Tắt Ngoẵng đạt 16,47 tỷ đồng, tương đương 70,11% KH năm và 62,15% so với năm 2022). Doanh thu không đạt KH năm và giảm nhiều so với năm 2022 là do thời tiết không thuận lợi, khô hạn kéo dài, mặc dù đã có sự phối hợp điều tiết nước có hiệu quả từ Hồ Bản Mòng.

Chi phí: Tổng chi phí **107,19 tỷ đồng**, tương ứng 99,14% KH chi phí năm 2023 và 104,26% so với năm 2022. Năm 2023 hầu hết các khoản mục chi phí đều giảm so với KH ngoại trừ khoản mục chi phí quản lý tăng do trích lập dự phòng khoản công nợ phải thu khó đòi của Công ty CP đầu tư và xây lắp Sông Đà.

Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế đạt **27,39 tỷ đồng**, tương ứng 59,73% KH năm và bằng 48,42% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế không đạt KH và giảm so với năm 2022 là do doanh thu phát điện năm 2023 giảm nhiều so với năm 2022 (giảm 23 tỷ).

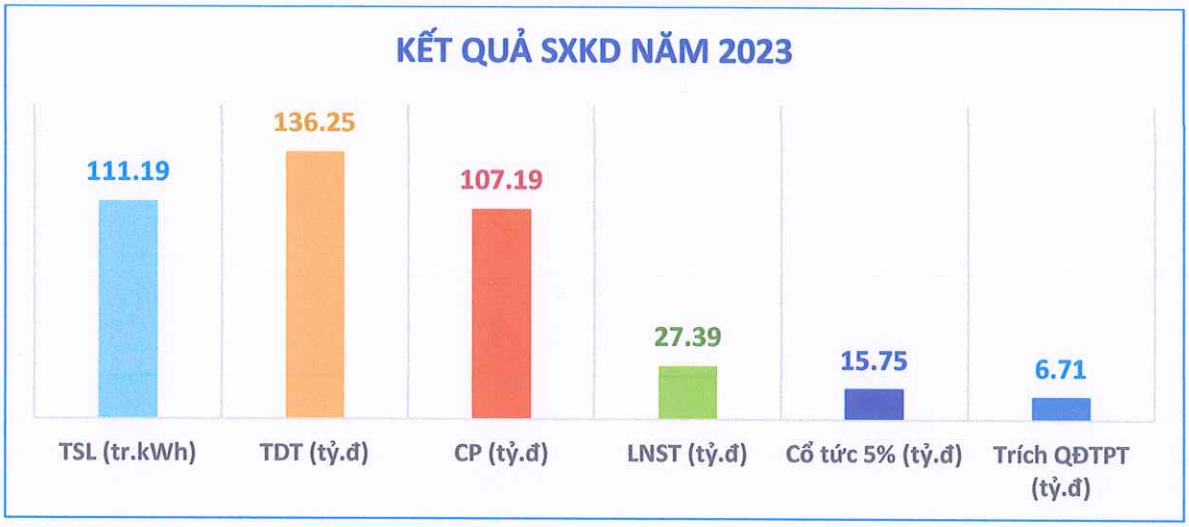

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đến 31/12/2023:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2023	31/12/2023	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	59.508	47.862	7%
Tài sản dài hạn	tr.đ	693.601	644.512	93%
Tổng tài sản	**tr.đ**	**753.109**	**692.374**	**100%**
Nợ ngắn hạn	tr.đ	133.734	213.022	65%
Nợ dài hạn	tr.đ	246.316	113.852	35%
Tổng nợ phải trả	**tr.đ**	**380.050**	**326.874**	**100%**

3 Dư nợ vay tại ngày 31/12/2023:

Stt	Nội dung	ĐVT	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn đến hạn trả	Cộng
1	Trái phiếu	tỷ.đ			131,80	131,80
2	Ngân hàng	nt	58,45		33,92	92,37
3	Cá nhân	nt	55,40			55,40
	Cộng		**113,85**		**165,72**	**279,57**

B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

I. PHÁT ĐIỆN

Căn cứ mực nước Hồ Bản Mòng ngày 01/01/2024 và dự kiến thủy văn lưu vực Hồ Bản Mòng và lưu vực Nhà máy Thủy điện Nậm La; Căn cứ thủy văn lưu vực Thủy điện Tắt Ngoẵng. Ban Điều hành xây dựng Kế hoạch phát điện năm 2024 sát với trung bình trung các năm vận hành, cụ thể: Qpđ bình quân Thủy điện Nậm La ~3,23 m3/s và Thủy điện Tắt Ngoẵng ~4,43 m3/s.

Đối với Thủy điện Nậm La: Bám sát quy trình tích nước và xả nước của Hồ Bản Mòng, phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý Hồ để điều tiết lưu lượng xả phù hợp theo mùa để có những giải pháp, đề xuất phù hợp nhằm đạt được kết quả tối ưu cho Nhà máy.

Đối với Thủy điện Tắt Ngoẵng: Bám sát kế hoạch phát điện của Nhà máy Thủy điện Mường Sang 3, kế hoạch đóng mở cửa xả đập du lịch để có phương án chạy máy phù hợp, đặc biệt vào khung giờ cao điểm mùa khô.

Tổng hợp kế hoạch phát điện của 2 nhà máy như sau:

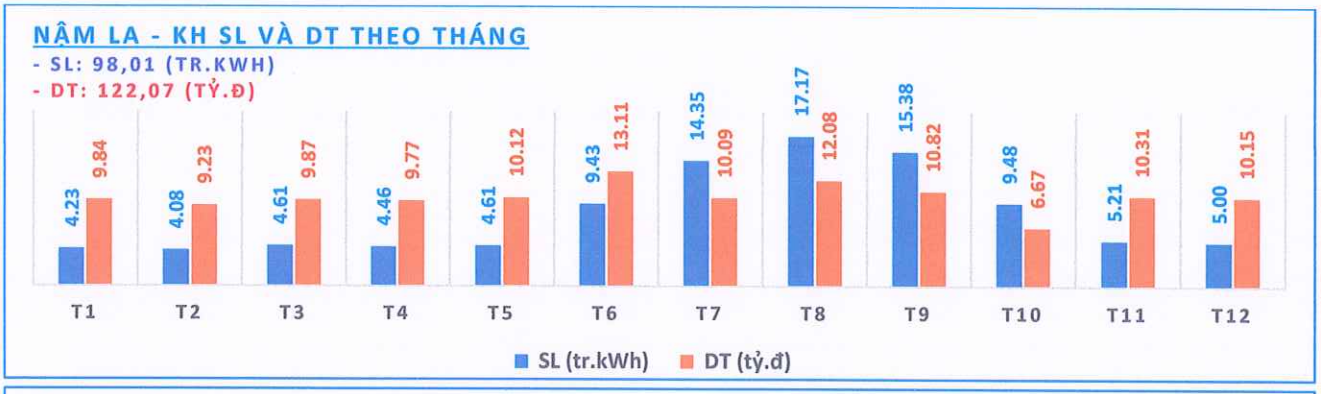

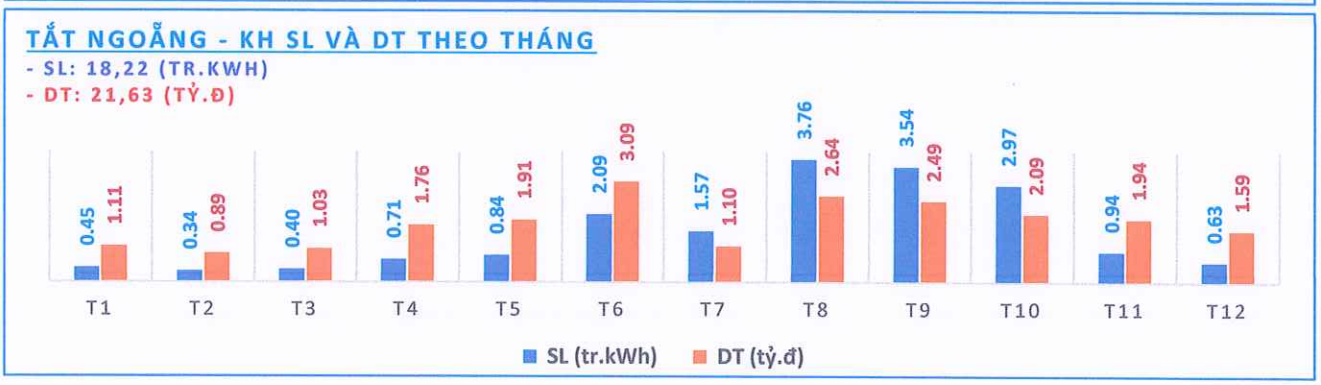

Tổng cộng 02 Nhà máy:

- **Sản lượng: 116,24 tr.kWh**
- **Doanh thu: 143,70 tỷ đồng**

II. CÔNG TÁC SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, MUA SẮM MMTB

1. Thủy điện Nậm La:

Một số công việc chính trong kế hoạch năm 2024:

- Bảo dưỡng, tiểu tu 03 TM trong tháng 01 và 02/2024;
- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống điều khiển, giám sát tự động (bắt đầu thực hiện từ tháng 12/2023, dự kiến hoàn thành trong tháng 4/2024);
- Đầu tư mua mới 06 mặt bích và 06 kim phun mới từ Ấn Độ để thay thế, dự phòng (dự kiến thực hiện trong quý II/2024); Mua thay thế/ dự phòng 02 giàn ắc quy khô cho phòng 11kV;
- Nghiên cứu phương án vớt rác, bẫy bùn từ xa nhằm giảm bùn rác vào khu vực Cửa nhận nước, để ổn định công suất phát (dự kiến hoàn thiện phương án, xem xét quyết định trong quý II/2024);
- Hoàn thiện các quy trình vận hành, sửa chữa MMTB;

2. Thủy điện Tắt Ngoẵng:

Một số công việc chính trong kế hoạch năm 2024:

- Bảo dưỡng, tiểu tu 02 TM trong tháng 01/2024;
- Cải tạo nâng cấp hệ thống chắn rác (Nghiên cứu PA vớt rác, bẫy bùn từ xa, dự kiến triển khai trong quý II/2024);
- Nghiên cứu hương án cải tạo, nâng cấp Phòng điều khiển trung tâm và Lập phương án nâng cấp hệ thống điều khiển, giám sát tự động (để triển khai trong năm 2025);
- Lập phương án cải tạo Nhà máy, xây tường thay thế tôn ốp xung quanh nhà máy (hiện đã xuống cấp, mục chân), xem xét để triển khai trong năm 2025;
- Hoàn thiện các quy trình vận hành, sửa chữa MMTB;

II. CÁC KẾ HOẠCH KHÁC

- Đáp ứng đúng lộ trình, kế hoạch triển khai dự án SAP của VCP Holdings;
- Xác lập sở hữu chung Đường dây 110kV với Thủy điện Nậm Pàn 5, đoạn từ vị trí cột số 15 đến Trạm biến áp 220kV Sơn La. Doanh thu được ghi nhận vào năm 2024 (sau khi đối tác thanh toán 100% giá trị Hợp đồng xác lập sở hữu chung trước 05/7/2024);
- Dự kiến tách Thủy điện Tắt Ngoẵng thành pháp nhân độc lập trong năm 2024;
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo ổn định tài chính trước dự báo kém khả quan về tình trạng thuỷ văn cũng như khả năng thanh toán tiền điện đúng hạn.
- Duy trì và ứng dụng có chiều sâu các công cụ quản lý hiện đại: BSC, 5S, Kaizen;...
- Tiếp tục duy trì đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch đào tạo chung, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc cho giai đoạn tái cơ cấu mạnh mẽ của hệ thống VCP.
- Và triển khai các mục tiêu phát triển bền vững theo Hệ thống VCP Holdings.

III. CÁC CHỈ TIÊU KH SXKD CHÍNH NĂM 2024:

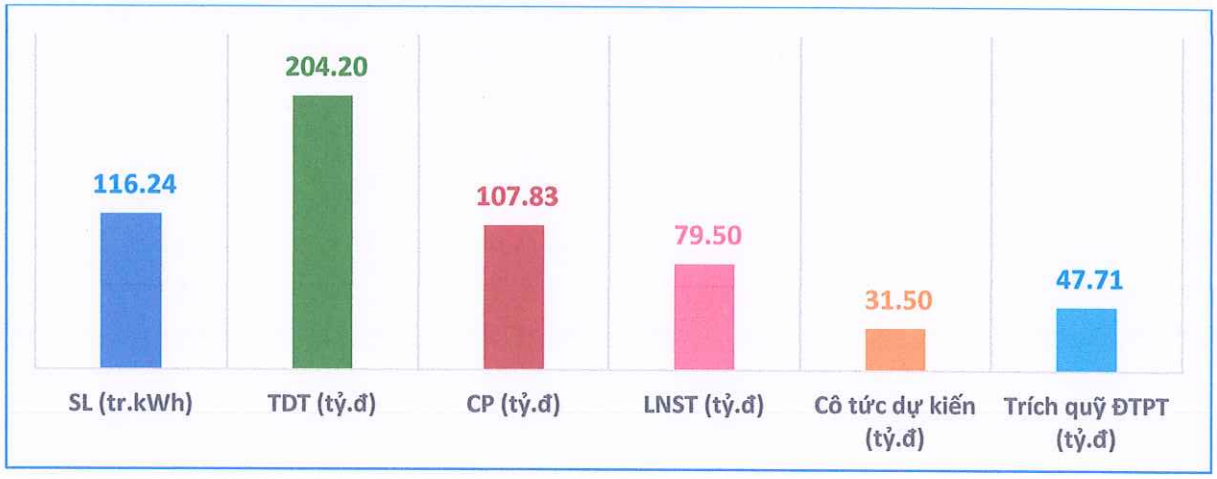

C. CTCP THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN - SMA (Nậm La nắm giữ 51% CP)

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

Năm 2023 là một năm tình hình tài chính khó khăn, ảnh hưởng đến toàn xã hội nói chung cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 tương đối tốt, cụ thể như sau:

- Sản lượng điện đạt: **77,82 tr.kWh**, bằng 111,67% KH;
- Tổng doanh thu đạt: **79,56 tỷ đồng**, bằng 107,69% KH.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023: **6,39 tỷ đồng**, chỉ đạt 54,55% so với kế hoạch năm 2023.
  Nguyên nhân chỉ đạt 54,55% KH lợi nhuận:
  - ✓ Chi phí lãi vay trong năm 2023 tăng hơn kế hoạch 5,72 tỷ đồng (do Công ty thực hiện trả nợ trước hạn các khoản vay cá nhân có lãi suất cao 11%, 14%, 20%/năm để chuyển sang khoản vay Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Lạng Sơn với lãi suất năm đầu là 9%/năm);
  - ✓ Chi phí khác trong năm 2023 tăng (do Công ty phải nộp tiền lãi thi hành án theo QĐ số 2483/QĐ-CTHADS ngày 13/7/2023 và TB số 11542 ngày 13/7/2023 của Cục thi thành án về bản án số 08 Lê Duẩn với số tiền: 4,23 tỷ đồng).
- Dự kiến cổ tức năm 2023: Với lợi nhuận đạt được trong năm 2023 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, dự kiến cổ tức được chia cho các cổ đông bằng tiền mặt là **3,5%.**
- Tình hình vay và trả nợ vay tại ngày 31/12/2023:

ĐVT: tỷ. đồng

Stt	Cơ cấu	Tại ngày 01/01/2023	Số nợ gốc đã trả trong năm 2023	Số đã vay trong năm 2023	Tại 31/12/2023
1	NH VDB	83,5	83,5	0	0
2	NH Techcombank	0,98	0,98	0	0
3	Vietinbank - CN Lạng Sơn	0	10	220	210
4	Vay cá nhân	64,16	159,31	95,15	0
	Cộng	**148,63**	**253,78**	**315,15**	**210**

- ✓ Trong năm 2023, đã thực hiện tất toán trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho NH VDB: 83,5 tỷ đồng;
- ✓ Khoản nợ xấu Ngân hàng Techcombank đã quá hạn từ năm 2014, số tiền nợ gốc: 976,88 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện trả nợ trong năm 2023;
- ✓ Các khoản dư nợ vay cá nhân ngắn hạn với lãi suất cao 11%, 14%, 20%/năm, Công ty đã thực hiện trả nợ toàn bộ gốc và lãi để chuyển sang vay vốn dài hạn Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Lạng Sơn với lãi suất thấp hơn (lãi suất năm đầu là 9%/năm; các năm tiếp theo áp dụng: Lãi suất cơ sở cộng với biên độ 3%/năm).

II. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

1. Kế hoạch phát điện:

- Tiếp tục tối ưu nguồn nước. đảm bảo hiệu quả vận hành nhà máy Thủy điện Đăkglun với sản lượng và doanh thu cao; Đảm bảo an toàn trong việc vận hành nhà máy Thủy điện Đăkglun.
- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra thiết bị trong quá trình vận hành, kịp thời phát hiện các lỗi để khắc phục trong thời gian ngắn nhất. hạn chế ảnh hưởng đến việc phát điện.

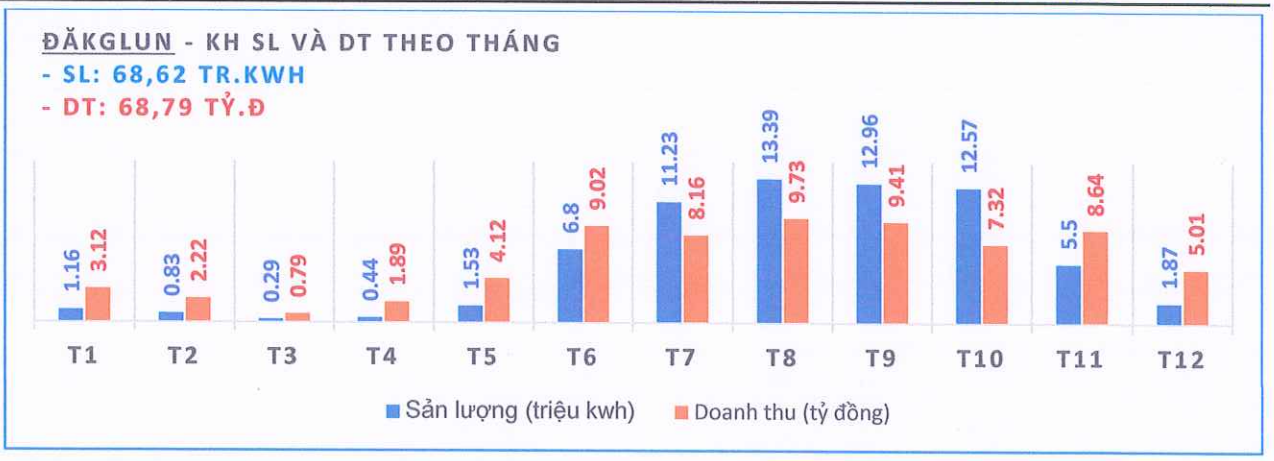

2. Các chỉ tiêu SXKD chính năm 2024:

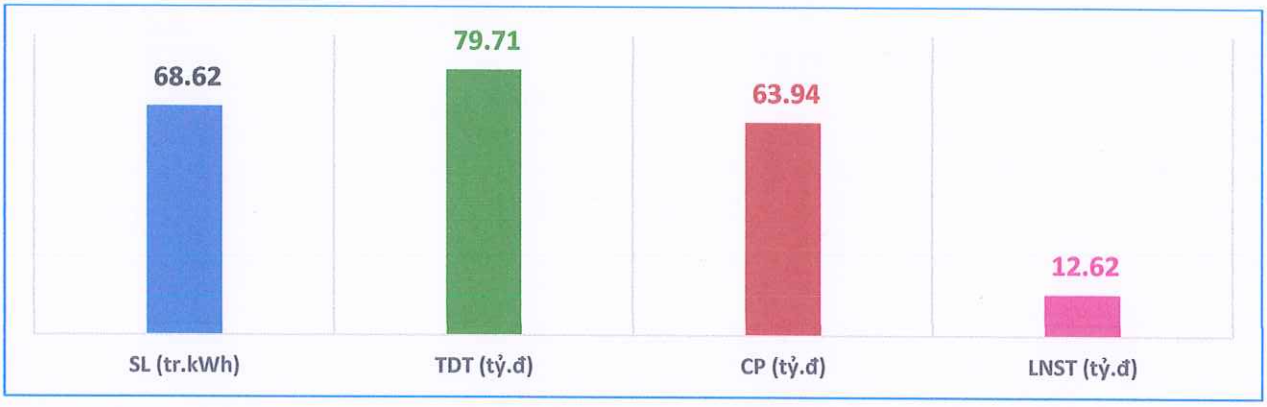

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và dự kiến Kế hoạch SXKD năm 2024 Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La. Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- VCP Holdings (b/c);
- Lưu TCKH.

Các phụ lục đính kèm báo cáo:

1. **Phụ lục 01**: Số liệu phát điện từ khi đi vào vận hành các Nhà máy.
2. **Phụ lục 02**: Tổng hợp một số hình ảnh về quản lý tài sản, MMTB các Nhà máy.

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHÁT ĐIỆN CÁC NHÀ MÁY QUA CÁC NĂM

1. Thủy điện Nậm La:

2. Thủy điện Tắt Ngoẵng:

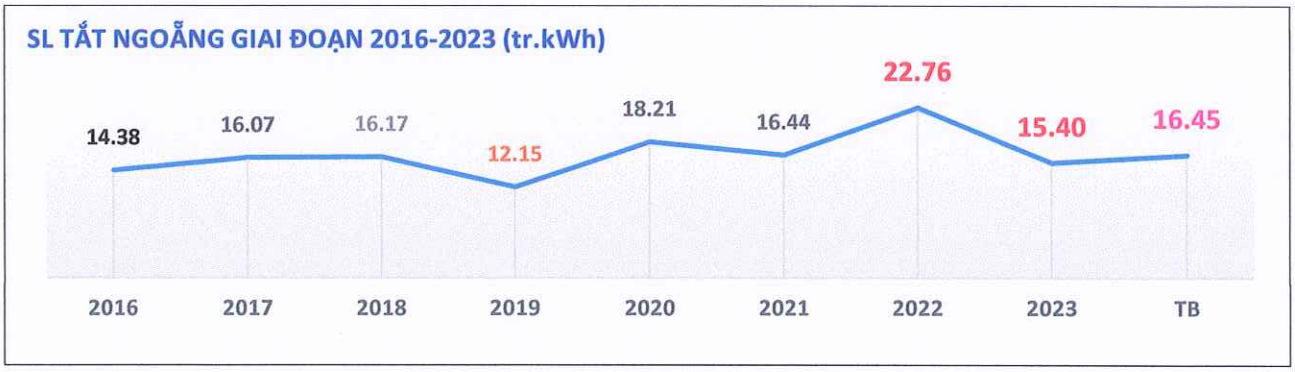

3. Thủy điện Đăkglun:

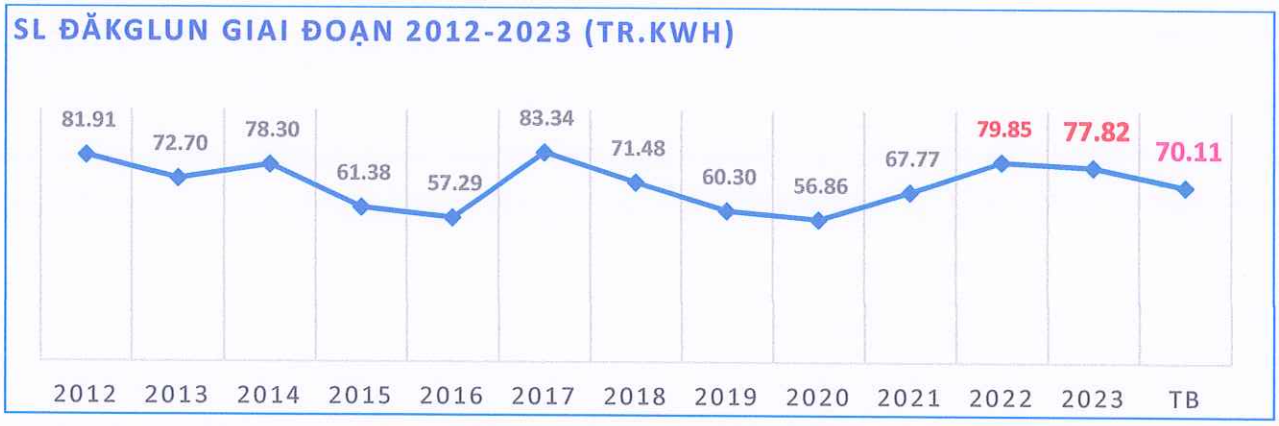

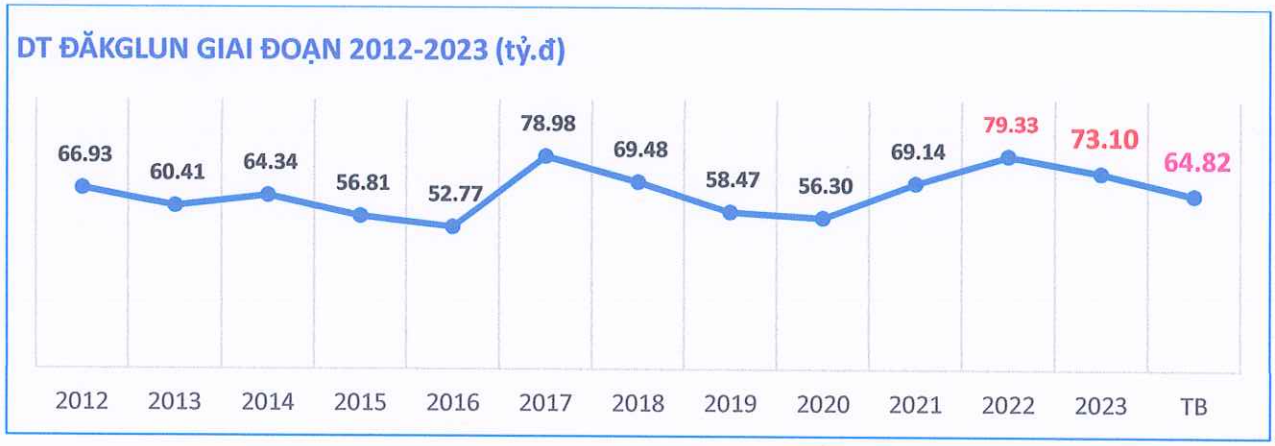

PHỤ LỤC 02: TỔNG HỢP MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN, MMTB NĂM 2023

I. Sửa chữa, bảo dưỡng MMTB

1. Thủy điện Nậm La:

Hoàn thành tiểu tu bảo dưỡng 3TM	
Sơn và quấn lại cách điện cho cả 03 tổ máy	
Cải tạo nâng cấp hệ thống giám sát, điều khiển tự động nhà máy từ tháng 12/2023 (dự kiến hoàn thành trong Quý II/2024)	
Mua mới 01 tuabin gáo từ đơn vị cung cấp BFL Ấn Độ (dự kiện nhận hàng vào tháng 04/2024);	

Định kỳ hàng tháng kiểm tra, phát tuyến đường dây 110kV và đường ống tuyến năng lượng - đường ống áp lực. Tuyến đường dây và tuyến năng lượng hoạt động bình thương, không xảy ra sự cố;	
Mở rộng hố gom dầu máy biến áp và lắp thêm máy bơm cứu hỏa theo yêu cầu của Cảnh sát PCCC	
Nạo vét bùn đất lòng hồ và rác cửa nhận nước để nâng cao hiệu quả phát điện	

2. Thủy điện Tắt Ngoẵng:

Hoàn thành sửa chữa, bảo dưỡng 2TM và các hệ thống phụ trợ (lần đầu tiên được đưa ra sửa chữa, bảo dưỡng từ khi NM đi vào hoạt động)	

Kiểm tra định kỳ và xử lý những tồn tại đường dây 110KV và tự dùng 35KV	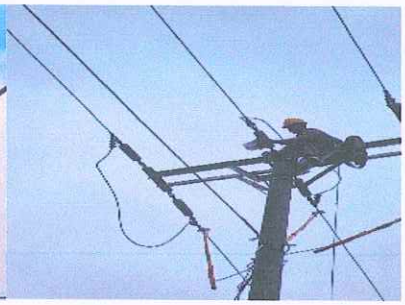
Nạo vét bùn đất lòng hồ đập đầu mối để nâng cao dung tích chứa và hiệu quả phát điện	

3. Thủy điện Đăkglun:

Hoàn thành sửa chữa, bảo dưỡng 2TM và các hệ thống phụ trợ	
Kiểm tra định kỳ và bảo dưỡng TPP 110KV	

II. Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục xây dựng

1. Thủy điện Nậm La:

Hiện trạng ban đầu	Hình ảnh sau cải tạo
KHU ĐẦU MỐI CỬA LẤY NƯỚC: Vệ sinh, trát giàn van, Sơn giàn van, Lắp dựng lan can thép	
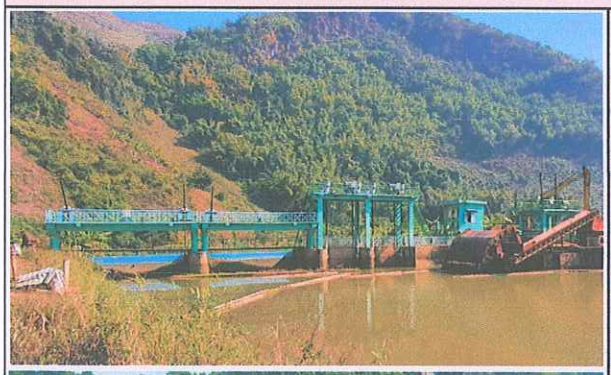	
NHÀ MÁY: Thay biển tên; Vệ sinh, sơn tường NM và TBA; Đổ bê tông nền, xây rãnh thoát nước, san gạt tạo phẳng xung quanh NM, thay trần các phòng	

ĐƯỜNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH: Đổ bê tông nâng cấp đường

2. Thủy điện Tắt Ngoẵng:

Hiện trạng ban đầu	Sau khi cải tạo
HOÀN THIỆN XUNG QUANH NHÀ MÁY: Làm đường BT vào 2 bên NM và đường lên khu QLVH; Xây dựng nhà vệ sinh và nhà kho; Làm rãnh thoát nước xung quanh NM và phía sau khu QLVH;	
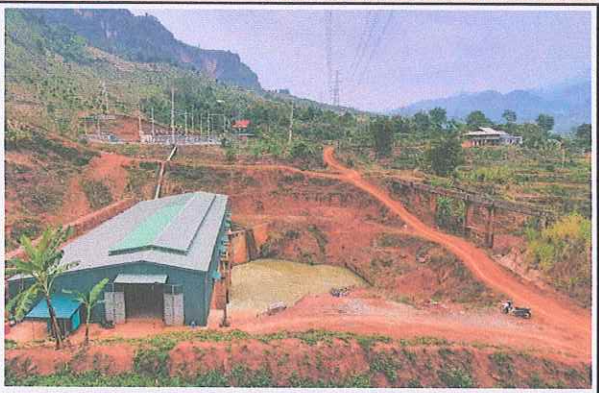	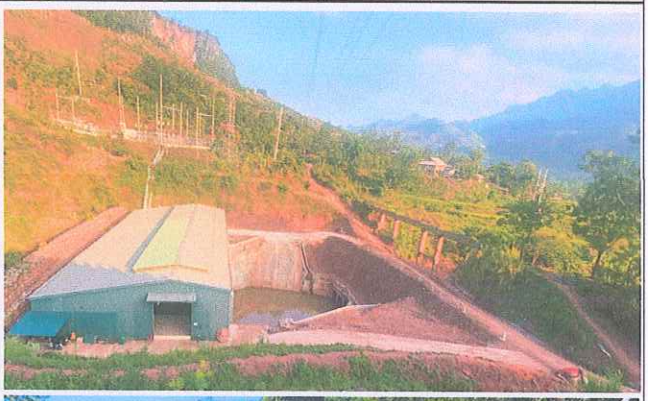
	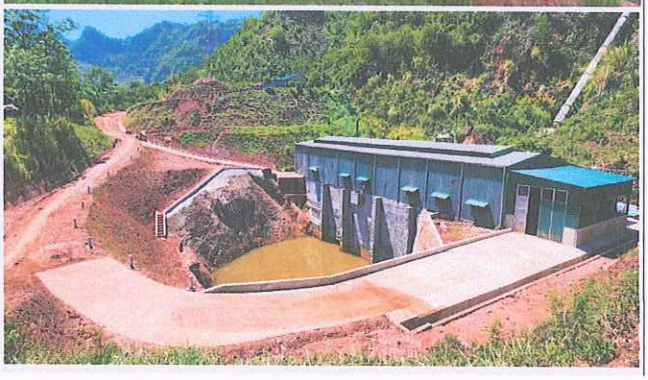

BỂ XẢ: Xúc dọn đất đá đào mở rộng lòng bể xả; đổ BT gia cố đáy bể; phun vẩy gia cố mái bể; xếp rọ đá gia cố phạm vi sạt trượt mái bể; xử lý vị trí sụt lún chân tường mái bể	

CỐNG: Bổ sung 01 cống BTCT; trồng cỏ mái thượng lưu và hạ lưu; xếp rọ đá gia cố chống xói vị trí thoát nước trên đường xuống mái hạ lưu

KÊNH XẢ: Đào đất đá mở rộng kênh; Đổ BT đáy kênh; phun vẩy gia cố mái kênh; gia cố bằng xếp rọ đá và phun vẩy bề mặt đoạn kênh mái có địa chất yếu

CỬA NHẬN NƯỚC: Mài vệ sinh và sơn lại toàn bộ khu vực CNN; Xây nhà tắm + vệ sinh; Làm cổng, thay cửa sổ và cửa nhà trực, xây tường khu bếp nhà trực

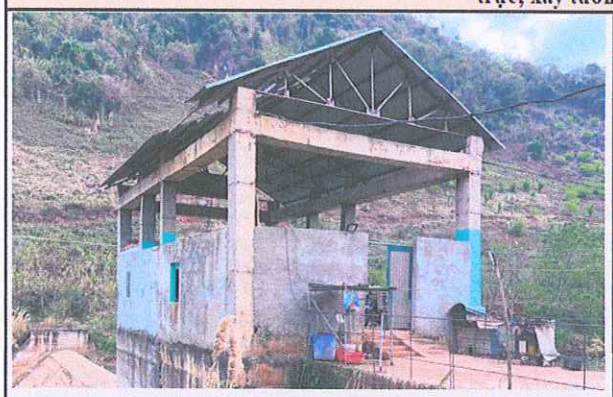

3. Thủy điện Đăkglun

Trước khi sơn	Sau khi sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Web: vcpholdings.com.vn/namla/

Số: 02/2024/BC-HĐQT

Sơn La, ngày 05 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La xin báo cáo Đại Hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023 và xây dựng trọng tâm kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

A. PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

HĐQT đã bám sát những mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế mà Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua để chỉ đạo, giám sát các hoạt động SXKD, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra với mục đích đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Nhân sự của HĐQT Công ty đương nhiệm:

Hiện có 5 người, gồm:

Ông **Vũ Ngọc Tú**	Chủ tịch HĐQT
Ông **Phạm Văn Minh**	Phó chủ tịch HĐQT
Ông **Nguyễn Tiến Khanh**	Phó chủ tịch HĐQT
Ông **Phạm Quang Minh**	Thành viên HĐQT
Ông **Thiều Quang Quyến**	Thành viên HĐQT

Ông **Vũ Ngọc Tú** là chủ tịch HĐQT Công ty - là **Người đại diện pháp luật** của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty sửa đổi lần 6, do Sở Kế hoach và Đầu tư Sơn La cấp ngày 22/10/2020.

Các thành viên trong HĐQT đều làm việc kiêm nhiệm, hoạt động theo hình thức không chuyên trách. Việc phân công nhiệm vụ trong HĐQT căn cứ vào điều kiện thực tế và cương vị công tác của từng thành viên.

2. Giám sát, đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2023, HĐQT đã giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quy chế quản lý của Công ty;
- Chỉ đạo và giám sát việc triển khai các biện pháp cần thiết trong điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty;
- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản, vay và sử dụng vốn, cung cấp nguồn vốn, tài chính cho SXKD của Công ty; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, củng cố nhân sự, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí, ...

Trong năm 2023, mọi hoạt động quản lý, điều hành SXKD của Công ty đều được HĐQT chỉ đạo, giám sát theo đúng thẩm quyền. Ban điều hành đã nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các nội quy, quy chế của Công ty; luôn nỗ lực, chủ động, tích cực thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Các chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ SXKD:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	TH/KH (%)	SS với 2022 (%)
Tổng doanh thu	**161,65**	**156,40**	**136,78**	**87,45**	**84,61**
Trong đó: DT bán điện	**159,72**	**153,85**	**136,25**	**88,56**	**85,30**
- Nậm La	133,22	130,36	119,78	91,88	89,91
- Tắt Ngoẵng	26,50	23,49	16,47	70,11	62,15
Chi phí	**102,81**	**108,12**	**107,19**	**99,14**	**104,26**
- Chi phí trực tiếp	69,35	75,67	70,06	92,59	101,02
- Chi phí tài chính	30,62	28,53	27,13	95,09	88,60
- Chi phí quản lý	2,84	3,92	10,00	255,10	352,11
Lợi nhuận trước thuế	**59,23**	**48,28**	**28,67**	**59,38**	**48,40**
Tr.đó: Lợi nhuận khác	0.39	**0.55**	(0.39)		
Lợi nhuận sau thuế	**56,57**	**45,86**	**27,39**	**59,73**	**48,42**

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đến 31/12/2023:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2023	31/12/2023	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	59.508	47.862	7%
Tài sản dài hạn	tr.đ	693.601	644.512	93%
Tổng tài sản	**tr.đ**	**753.109**	**692.374**	**100%**
Nợ ngắn hạn	tr.đ	133.734	213.022	65%
Nợ dài hạn	tr.đ	246.316	113.852	35%
Tổng nợ phải trả	**tr.đ**	**380.050**	**326.874**	**100%**

3. Nợ vay tại ngày 31/12/2023:

ĐVT: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn đến hạn trả	Cộng
1	Trái phiếu			131,80	131,80
2	Ngân hàng	58,45		33,92	92,37
3	Cá nhân	55,40			55,40
	Cộng	**113,85**		**165,72**	**279,57**

Hoạt động SXKD của Thuỷ điện Nậm La và Tắt Ngoẵng trong năm 2023, có yếu tố thuận lợi khi nguồn nước từ Hồ Bản Mòng đã ổn định, các máy móc, thiết bị phụ trợ được mua mới hoặc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên theo định kỳ. Tuy nhiên do điều kiện thời tiết khô hạn, ít mưa nên doanh thu phát điện giảm nhiều so với năm 2022, do đó hầu hết các chỉ tiêu thực hiện chưa đạt kế hoạch.

Trong năm Công ty đã ký Hợp đồng Xác lập sở hữu chung Đường dây 110kV với Công ty CP Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu (Chủ đầu tư NM Thủy điện Nậm Pàn 5) đoạn từ vị trí cột số 15 đến Trạm biến áp 220kV Sơn La, giá trị HĐ 60 tỷ (trước VAT), đối tác đã tạm ứng 30 tỷ. Doanh thu sẽ được ghi nhận năm 2024 (sau khi đối tác thanh toán 100% giá trị Hợp đồng xác lập sở hữu chung).

4. Hoạt động của HĐQT:

HĐQT luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT hoạt động bằng cách ban hành Nghị quyết và chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị quyết. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và bằng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đầy đủ và thông qua các Nghị quyết phù hợp sự phát triển và chiến lược kinh doanh trong sản xuất và kinh doanh điện với mục tiêu mang lại lợi nhuận cao nhất cho Cổ đông và quyền lợi của người lao động. Đã tổ chức giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các Nghị quyết của Công ty; đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban lãnh đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT luôn bám sát nhiệm vụ hoạt động SXKD của Công ty, tuân thủ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, từ đó có định hướng, chỉ đạo cụ thể cho công tác SXKD của Công ty.

Tổng kết các cuộc họp HĐQT và các NQ HĐQT:

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo quy định để thống nhất triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Trong đó các nội dung trọng yếu HĐQT đã thông qua cụ thể như sau:

Stt	Số/kí hiệu VB	Ngày tháng VB	Nội dung QĐ, NQ
I	**Quyết định**		
1	01/QĐ-HĐQT	16/02/2023	Phê duyệt chủ trương cải tạo, nâng cấp các HM NM Tắt Ngoẵng
2	07/QĐ-HĐQT	28/6/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023
3	08/QĐ-HĐQT	06/7/2023	Phê duyệt HM nâng cấp hệ thống điều khiển, giám sát NM N.La
4	09/QĐ-HĐQT	31/8/2023	Phê duyệt chủ trương mua bánh xe công tác của tuabin NM N.La
II	**Nghị Quyết**		
1	01/NQ-HĐQT	28/4/2023	Thông qua KH SXKD 2023 và ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2023
2	02/NQ-HĐQT	05/9/2023	Thông qua phương án trả cổ tức 2022
3	03/NQ-HĐQT	05/9/2023	Thông qua phương án vay vốn cá nhân bổ sung vốn lưu động

Thù lao của Hội đồng Quản trị:

Tiền thù lao của HĐQT đã được chi trả theo đúng quy định được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

5. Hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành:

Trong năm qua, Ban Điều hành Công ty đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và các chủ trương của HĐQT.

Các thành viên Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu của Công ty. Các quyết định của Ban Tổng giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời.

B. PHẦN THỨ HAI: ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Dự báo năm 2024, điều kiện thời tiết tiếp tục khô hạn, ít mưa. Tuy nhiên căn cứ mực nước Hồ Bản Mòng và dự kiến thủy văn lưu vực Nhà máy Thủy điện Nậm La và thủy văn lưu vực Thủy điện Tắt Ngoẵng. Ban Điều hành xây dựng Kế hoạch phát điện năm 2024 có sự kỳ vọng cao hơn thực hiện phát điện năm 2023. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2024, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động như sau:

I. ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2024

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện KH năm 2023	TH/KH (%)	Kế hoạch năm 2024
A	TỔNG DOANH THU	Đồng	156,402,197,293	136,775,085,639	87.45	204,195,448,958
1	Điện lượng	Kwh	129,836,780	111,186,376	85.64	116,236,507

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện KH năm 2023	TH/KH (%)	Kế hoạch năm 2024
1.1	NM Nậm La	Kwh	110,193,444	95,774,978	86.92	98,014,951
1.2	NM Tắt Ngoẵng	Kwh	19,643,336	15,411,398	78.46	18,221,556
2	**Doanh thu bán điện**	**Đồng**	**153,845,733,122**	**136,251,313,220**	**88.56**	**143,695,448,958**
2.1	NM Nậm La		130,356,813,666	119,780,101,006	91.89	122,068,960,660
2.2	NM Tắt Ngoẵng		23,488,919,456	16,471,212,214	70.12	21,626,488,298
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**Đồng**	**2,006,464,171**	**523,772,419**	**26.10**	**100,000,000**
4	**Doanh thu khác, thu nhập khác**	**Đồng**	**550,000,000**	**288,823,028**	**52.51**	**60,400,000,000**
B	**TỔNG CHI PHÍ SXKD (I+II+III)**	**Đồng**	**108,124,067,566**	**107,711,123,834**	**99.62**	**107,829,071,638**
I	**Chi phí QL DN**	**Đồng**	**3,919,130,697**	**10,000,217,383**	**255.16**	**10,324,808,256**
II	**Chi phí SX trực tiếp**	**Đồng**	**75,669,705,783**	**70,061,891,147**	**92.59**	**72,209,587,789**
III	**Chi phí tài chính**	**Đồng**	**28,535,231,086**	**27,649,015,304**	**96.89**	**25,294,675,593**
IV	**Chi phí khác**	**Đồng**		**675,894,500**		**3,735,288,212**
C	**LỢI NHUẬN (SAU THUẾ)**	**Đồng**	**45,864,223,240**	**27,238,729,622**	**59.39**	**79,499,827,884**
1	**Lợi nhuận trước thuế**	**Đồng**	**48,278,129,727**	**28,676,890,333**	**59.40**	**92,631,089,107**
-	LN từ HĐKD (bán điện)		47,728,129,727	29,063,961,805	60.89	35,966,377,319
-	LN khác		550,000,000	-387,071,472	-70.38	56,664,711,788
2	**Thuế TNDN**	**Đồng**	**2,413,906,486**	**1,438,160,711**	**59.58**	**13,131,261,224**
3	**Lợi nhuận sau thuế**	**Đồng**	**45,864,223,240**	**27,238,729,622**	**59.39**	**79,499,827,884**
D	**PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**	**Đồng**	**45,528,223,240**	**22,458,437,773**	**59.15**	**79,211,827,884**
1	Trả cổ tức		31,500,000,000	15,750,000,000	**50.00**	31,500,000,000
2	Trích quỹ Dự phòng TC		4,552,822,324			
3	Trích quỹ Đầu tư phát triển		7,580,320,733	6,708,437,773	**88.50**	47,711,827,884
4	Trích quỹ khen thưởng		1,895,080,183			

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Giải pháp trong SXKD và quản lý vận hành:

Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh; Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, tổ chức nạo vét, khơi tăng dung tích hồ chứa, làm tốt công tác điều tiết nước phục vụ phát điện vào các khung giờ có lợi nhằm nâng cao hiệu quả, phát huy hiệu quả phát điện một cách cao nhất từ nguồn nước hiện có.

Tối ưu hoá hoạt động các nhà máy đang vận hành theo hướng tinh gọn bộ máy, kết hợp với việc kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Không ngừng nghiên cứu các giải pháp nâng công suất, cảnh báo sự cố, giảm thiểu tổn thất, cải tiến máy móc, thiết bị... nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. Tăng cường tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề vận hành các Nhà máy điện, tiếp tục hoàn thiện hơn nữa cẩm nang xử lý sự cố, chú trọng công tác hướng dẫn, đào tạo nâng cao tay nghề, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, vận hành và xử lý sự cố phổ biến đến mọi CBCNV nhà máy trong toàn hệ thống.

Phối hợp chặt chẽ với Đơn vị quản lý vận hành Hồ Bản Mòng: Căn cứ quy trình tích nước và xả nước của Hồ Bản Mòng để có những giải pháp, đề xuất phù hợp, nhằm đạt được lợi ích cao nhất trong thực hiện nhiệm vụ SXKD của Nhà máy Thủy điện Nậm La.

Nghiên cứu PA vớt rác, bẫy bùn từ xa nhằm ổn định công suất phát vào mùa mưa để tối ưu hiệu quả phát điện NM Nậm La

Bám sát kế hoạch phát điện của Nhà máy Thủy điện Mường Sang 3 để có phương án chạy máy phù hợp, đặc biệt vào khung giờ cao điểm mùa khô của Nhà máy Tắt Ngoẵng.

Bám sát kế hoạch phát điện của Nhà máy Thủy điện Mường Sang 3 để có phương án chạy máy phù hợp, đặc biệt vào khung giờ cao điểm mùa khô của Nhà máy Tắt Ngoẵng.

2. Công tác tài chính:

Ổn định về tài chính, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu tài chính phục vụ sản xuất và đầu tư xây dựng cũng như sửa chữa thiết bị, mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng cần thiết, không để ngừng trệ ảnh hưởng đến quá trình SXKD.

Đảm bảo thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ tiền bán điện; trả gốc, lãi vay các Ngân hàng theo đúng kỳ hạn.

Thực hiện rà soát và tiết giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3. Công tác quản trị nhân lực:

Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, những người có chuyên môn, trình độ năng lực, giàu kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

Sử dụng quỹ khen thưởng cho người lao động, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt.

4. Các công tác khác:

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện vận hành tốt và an toàn các Nhà máy Thủy điện, nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời, thực hiện các chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân mang lại lợi ích cho Công ty; Chỉ đạo thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Chỉ đạo việc tổ chức Đại Hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Năm 2024, HĐQT sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển Công ty, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát sát sao hoạt động của Ban điều hành, nhằm đạt được độ an toàn và hiệu quả cao nhất có thể cho hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo vốn đầu tư của các Cổ đông tại Công ty.

Để vượt qua những thách thức và hoàn thành những mục tiêu đề ra, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La mong muốn nhận được sự ủng hộ, tạo điều kiện và cam kết gắn bó lâu dài của các Quý Cổ đông, các đối tác và toàn thể CBCNV trong Công ty.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- VCP (b/c);
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **THỦY ĐIỆN NẬM LA** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** -----ꕥ✧ꕥ-----
Số: 01/2024/BC-BKS	*Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2022*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

*****

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- *Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy điện Nậm La (sau đây gọi tắt là "Công ty")*
- *Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC*
- *Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2023.*

Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019 - 2024 gồm 03 thành viên:

- Bà Đinh Thị Hạnh — Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc — Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Bình — Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 kết quả hoạt động năm 2023, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập mới để Hội đồng quản trị bổ nhiệm đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.
- Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty hàng quý, năm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty tại các cuộc họp.
- Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
- Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định.
- Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
- Kiểm soát BCTC đã được Công ty Kiểm toán soát xét, kiểm toán cả năm, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong việc giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban TGĐ để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động của Công ty

1. Tổng quan về bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty

- Ổn định và tinh gọn bộ máy nhân sự, tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 36 người). Hiện đại hoá phương thức vận hành. Tiến tới hoàn thành công tác số hoá tài liệu. Tự động hoá công tác văn thư lưu trữ, ứng dụng những công cụ quản lý tiên tiến.
- Trong năm Công ty đã kiện toàn công tác nhân sự, cắt giảm 01 kế toán viên và 01 tạp vụ. Bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Vượng - Trưởng ca làm Quản đốc phụ trách công tác sản xuất NM Tắt Ngoẵng; 02 Nhà máy đã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng thúc đẩy SXKD hiệu quả, tổng quan đã khang trang, sạch đẹp hơn.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp và ban hành Nghị quyết theo đúng trình tự thủ tục, phù hợp chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT quy định theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty với các nội dung chính như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
- Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán năm 2023 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ
- Phê duyệt các hoạt động khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư kịp thời, thực hiện theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật.

3. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	TH/KH (%)	SS với 2022 (%)
Tổng doanh thu	**161,65**	**156,40**	**136,78**	**87,45%**	**84,61%**
Trong đó: DT bán điện	**159,72**	**153,85**	**136,25**	**88,56%**	**85,31%**
Chi phí	**102,81**	**108,12**	**107,71**	**99,62%**	**104,77%**
- Chi phí trực tiếp	69,35	75,67	70,06	92,59%	101,03%
- Chi phí tài chính	30,62	28,53	27,65	96,91%	90,30%
- Chi phí quản lý	2,84	3,92	10,00	255,11%	352,38%
Lợi nhuận trước thuế	**59,23**	**48,28**	**28,68**	**59,40%**	**48,41%**
Tr. đó: Lợi nhuận khác	0,39	0.55	-0,39		
Lợi nhuận sau thuế	**56,57**	**45,86**	**27,24**	**59,40%**	**48,15%**

- Doanh thu bán điện đạt 136,25 tỷ đồng, tương đương 88,56% so với KH năm và 85,31% so với năm 2022, (trong đó NM Nậm La đạt 119,78 tỷ đồng, tương đương 91,88% KH năm và 89,91% so với năm 2022. NM Tắt Ngoẵng đạt 16,47 tỷ đồng, tương đương 70,11% KH năm và 62,15% so với năm 2022). Doanh thu không đạt KH năm và giảm nhiều so với năm 2022 là do thời tiết không thuận lợi, khô hạn kéo dài, mặc dù đã có sự phối hợp điều tiết nước có hiệu quả từ Hồ Bản Mòng.
- Tổng chi phí 107,71 tỷ đồng, tương ứng 99,62% KH chi phí năm 2023 và 104,77% so với năm 2022. Năm 2023 hầu hết các khoản mục chi phí đều giảm so với KH ngoại trừ khoản mục chi phí quản lý tăng do trích lập dự phòng khoản công nợ phải thu khó đòi của Công ty CP đầu tư và xây lắp Sông Đà.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 27,24 tỷ đồng, tương ứng 59,40% KH năm và 48,15% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế không đạt KH và giảm so với năm 2022 là do doanh thu năm 2023 giảm nhiều so với năm 2022.

Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	01/01/2023	+/- Tăng giảm	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	47.863	59.508	-11.645	-19,57%
Tài sản dài hạn	tr.đ	644.512	693.601	-49.090	-7,08%
Tổng tài sản	**tr.đ**	**692.375**	**753.109**	**-60.735**	**-8,06%**
Nợ ngắn hạn	tr.đ	213.022	133.734	79.288	59,29%
Nợ dài hạn	tr.đ	113.853	246.316	-132.464	-53,78%
Tổng nợ phải trả	**tr.đ**	**326.875**	**380.050**	**-53.176**	**-13,99%**
Vốn góp CSH	tr.đ	315.000	315.000	0	
Các quỹ thuộc VCSH	tr.đ	23.261	6.269	16.992	271,04%
LNST chưa phân phối	tr.đ	27.239	51.790	-24.551	-47,40%
Tổng vốn CSH	**tr.đ**	**365.500**	**373.059**	**-7.559**	**-2,03%**

- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 giảm 60,735 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ 8,06% chủ yếu là do tài sản dài hạn giảm 49,09 tỷ đồng, tương đương với tỷ lệ 7,08%. Nguyên nhân từ sự sụt giảm của tài sản dài hạn đến từ việc thu hồi khoản phải thu về cho vay 4,3 tỷ đầu năm và ảnh hưởng của hao mòn TSCĐ, phân bổ chi phí trả trước dài hạn trong năm 2023.
- Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 giảm 53,176 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ 13,99% nguyên nhân chủ yếu là do Công ty tái cơ cấu khoản vay từ dài hạn đến hạn trả trình bài tại khoản vay ngắn hạn khiến cho nợ dài hạn giảm 132,464 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ 53,78%.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023 giảm 7,559 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ 2,03% nguyên nhân chủ yếu là do việc lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh sut giảm trong năm và ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận theo NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Tại ngày 31/12/2023, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn với số tiền 165,159 tỷ đồng trong đó có 165,264 tỷ động là nợ dài hạn đến hạn trả (tương ứng tại ngày 01/01/2023 số nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 74,226 tỷ đồng, trong đó có 36,718 tỷ động là nợ dài hạn đến hạn trả) cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắn chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, qua đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế cũng như phân tích các dòng tiền hoạt động của Công ty trong thời gian tới, BKS nhận định rằng Công ty sẽ được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mua bán điện, đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn trả và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận Kế toán trước thuế	tr.đ	28.676	59.234
Chi phí lãi vay	tr.đ	27.474	30.619
Tiền lãi vay đã trả	tr.đ	(26.969)	(30.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**tr.đ**	**130.535**	**96.755**
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**tr.đ**	**(9.165)**	**(5.221)**
Tiền thu từ đi vay	tr.đ	67.900	3.000
Tiền trả nợ gốc vay	tr.đ	(72.600)	(103.600)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	tr.đ	(113.283)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**tr.đ**	**(117.983)**	**(100.600)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**tr.đ**	**3.387**	**(9.066)**

Về dòng tiền lưu chuyển trong năm 2023 đang thặng dư dương 3,387 tỷ đồng, có nghĩa tiền thu về trong năm lớn hơn tiền chi ra hơn 3,387 tỷ đồng. Cụ thể:
- Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh thu dương 130,535 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 giảm so với năm 2022 nhưng dòng tiền kinh doanh thu nhiều hơn năm 2022 nguyên nhân là do

năm 2023 Công ty đã thu hồi được các khoản phải thu đầu năm 2023. Chi phí lãi vay được kiểm soát và đã thanh toán trong năm 2023.

- Tiền thuần từ hoạt động đầu tư chi ra âm 9,165 tỷ đồng chủ yếu là chi ra để mua sắm TSCĐ trong năm 2023 và một phần chi ra cho gửi tiết kiệm trong năm.
- Tiền thuần từ hoạt động tài chính chi ra âm 117,983 tỷ đồng chủ yếu là ra ra để thanh toán cổ tức và thanh toán trả nợ gốc vay.

Tóm lại dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong năm 2023 được sử dụng để phục vụ cho hoạt động đầu tư và sử dụng cho hoạt động tài chính, dôi dư số tiền 3,387 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất

Công ty có khoản đầu tư vào công ty CP thiết bị phụ tùng Sài Gòn với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 52,06%.

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	01/01/2023	+/- Tăng giảm	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	155.777	73.538	82.239	111,83%
Tài sản dài hạn	tr.đ	866.969	953.340	-86.371	-9,06%
Tổng tài sản	**tr.đ**	**1.022.746**	**1.026.878**	**-4.132**	**-0,40%**
Nợ ngắn hạn	tr.đ	249.787	218.058	31.729	14,55%
Nợ dài hạn	tr.đ	297.943	325.906	-27.963	-8,58%
Tổng nợ phải trả	**tr.đ**	**547.730**	**543.964**	**3.766**	**0,69%**
Vốn góp CSH	tr.đ	315.000	315.000	0	0,00%
Các quỹ thuộc VCSH	tr.đ	28.347	6.269	22.078	352,18%
LNST chưa phân phối	tr.đ	18.941	53.917	-34.976	-64,87%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tr.đ	112.728	107.728	5.000	4,64%
Tổng vốn CSH	**tr.đ**	**475.016**	**482.914**	**-7.898**	**-1,64%**
Tổng nguồn vốn	**tr.đ**	**1.022.746**	**1.026.878**	-4.132	-0,40%

Chỉ tiêu chính trên KQKD	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng	tr.đ	212.579	244.485
Chi phí tài chính	tr.đ	50.222	46.766
Chi phí quản lý	tr.đ	23.555	15.701
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	33.819	77.222
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	28.428	71.401

4. Kết quả thẩm định BCTC năm 2023

- Báo cáo tài chính năm 2023 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2023.
- Công ty đã tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính. Việc lập, luân chuyển chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, đầy đủ và đúng mẫu biểu theo chế độ kế toán hiện hành.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGĐ

- Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGĐ Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.
- Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

III. Kết luận và Kiến nghị

1. Kết luận

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đã tiếp tục thể hiện sự phát triển của Công ty mặc dù điều kiện thủy văn không thuận lợi cho hoạt động sản xuất của công ty trong năm.
- Công tác đầu tư của công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, việc quản lý giám sát công tác đầu tư tại các công ty con được thực hiện chặt chẽ thông qua hệ thống báo cáo định kỳ, thường xuyên thông qua người đại diện quản lý vốn tại các công ty con.
- Ban Kiểm soát nhận định trong năm 2023, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý trong đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành. Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đầu tư cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường và điều kiện tự nhiên trong điều kiện khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Kiến nghị của Ban Kiểm soát

2.1. Kiến nghị công tác quản lý

- HĐQT Công ty quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo điều hành, phân giao rõ nhiệm vụ, thời gian hoàn thành đối với cấp quản lý Công ty đến các Ban, Nhà máy, giám sát chặt chẽ tiến độ kết quả thực hiện.
- Tiếp tục thực hiện chủ trương thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhưng đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban TGĐ Công ty xem xét áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, chương trình 5S tại các Nhà máy nhằm đảm bảo máy móc thiết bị vận hành an toàn, hiệu quả và mội trường làm việc tiến tới sự chuyên nghiệp.
- Sát sao hơn trong việc tổ chức, thực hiện kế hoạch phát điện hợp lý để khai thác tối ưu lượng nước về hồ và đặc biệt là vào mùa khô từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD như ứng dụng về quản lý, vận hành, giám sát kỹ thuật.

2.2. Kiến nghị về công tác Tài chính, Kế toán

- Khoản phải trả về cổ tức tại thời điểm cuối năm là 148,2 triệu đồng cho các cổ đông khác. Đề nghị Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét thanh toán dứt điểm khoản nợ về cổ tức này.
- Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang có khoản phải thu về cho vay đối với Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà với số tiền 19,6 tỷ đồng. Khoản cho vay này từ năm 2020, năm 2021 và đã trích lập dự phòng 30% trên khoản gốc với giá trị trích lập 5,9 tỷ đồng. Đề nghị Ban Tổng Giám đốc có những giải pháp quyết liệt hơn để thu hồi khoản phải thu từ cho vay này, đảm bảo hỗ trợ một phần dòng tiền tài chính của Công ty trong ngắn hạn.
- Tiếp tục đánh giá khả năng thu hồi công nợ của các khoản phải thu, đối với các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng từ các năm trước như khoản phải thu Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện 274tr; Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Tràng An: 185tr; DNTN Đức Chí 164tr... Đề nghị HĐQT phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp sát sao hơn nữa nhằm thu hồi khoản công nợ này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá, xem xét trình HĐQT và ĐHĐCĐ nếu không thu hồi được công nợ có biện pháp xử lý như bán nợ khó đòi hoặc xử lý vào kết quả kinh doanh.
- Khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty chưa được đảm bảo khi nợ ngắn hạn đang lớn hơn tài sản ngắn hạn. Đề nghị HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thực hiện thêm các giải pháp để tăng nguồn lực tài chính bằng cách huy động vốn, tìm kiếm các nhà tài trợ vốn, tổ chức tín dụng có cơ chế tài trợ vốn phù hợp, đảm bảo dự án có khả thi cao và hiệu quả chuẩn bị cho các dự án đầu tư sắp tới của Công ty.
- Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaseen 6 hơn 700tr đã đầu tư từ lâu nhưng không thấy thông báo cổ tức, xem xét liên hệ, tìm giải pháp và các đối tác để thoái vốn khỏi khoản đầu tư này. Dòng tiền thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn sẽ được cải thiện; Thu thập BCTC để đánh giá, trích lập dự phòng các khoản đầu tư.

- Trong BCTC năm 2023 của Công ty đang có số dư về quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31/12/2023 với số tiền 5,1 tỷ đồng. Theo Chế độ Kế toán hiện hành doanh nghiệp không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính, chỉ sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu để theo dõi các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế.

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2024

I. Nhiệm vụ chung

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2024, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kì theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2024

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về chi trả cổ tức năm 2024.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La năm 2023; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Như trên,*
- *HĐQT,*
- *Lưu VP Cty + BKS*

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Đinh Thị Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Web:vcpholdings.com.vn/namla/

Số: 01/2024/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 05 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2023)

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành và được Công ty Cổ phần thủy điện Nậm La công bố, bao gồm:

1. Báo cáo của Tổng Giám đốc;
2. Báo Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó có một số chỉ tiêu chính sau:

I. Công ty mẹ

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng tài sản	692.374.502.606
2	Vốn chủ sở hữu	365.499.791.149
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.251.313.220
4	Lợi nhuận trước thuế	28.676.890.333
5	Lợi nhuận sau thuế	27.238.729.622

II. Hợp nhất toàn Công ty

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng tài sản	1.022.746.090.513
2	Vốn chủ sở hữu	475.016.088.622
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	212.579.594.202
4	Lợi nhuận trước thuế	33.819.034.433
5	Lợi nhuận sau thuế	28.428.599.323
-	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	22.696.442.094
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	5.732.157.229

Chi tiết tại Báo cáo đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua!
Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Vũ Ngọc Tú

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 29
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500290578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/10/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 144 đường Trường Chinh, tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch	
Ông	Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Tiến Khanh	Phó Chủ tịch	
Ông	Thiều Quang Quyến	Ủy viên	
Ông	Phạm Quang Minh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 30/05/2023)
Bà	Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 30/05/2023)

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông	Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

aasc
since 1991

Số: 060324.011/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được lập ngày 06 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2023-002-1
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Hoàng Đức Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4876-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**47.862.657.918**	**59.507.703.430**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**7.661.215.059**	**4.274.702.732**
111	1. Tiền		6.461.215.059	2.774.702.732
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.200.000.000	1.500.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**6.000.000.000**	**-**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	6.000.000.000	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**31.736.372.099**	**54.731.504.490**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14.321.955.729	15.898.208.269
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.583.621.156	12.223.134.016
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	19.676.045.757	19.676.045.757
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.016.581.482	7.788.134.746
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(6.861.832.025)	(854.018.298)
140	**IV. Hàng tồn kho**		**530.400.800**	**20.761.782**
141	1. Hàng tồn kho	10	530.400.800	20.761.782
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.934.669.960**	**480.734.426**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.810.187.540	469.094.916
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	124.482.420	11.639.510
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**644.511.844.688**	**693.601.393.482**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**-**	**4.300.000.000**
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	4.300.000.000
220	**II. Tài sản cố định**		**428.475.628.677**	**471.733.729.048**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	428.475.628.677	471.733.729.048
222	*- Nguyên giá*		*911.881.985.986*	*906.020.306.318*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(483.406.357.309)*	*(434.286.577.270)*
250	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**211.423.969.748**	**211.598.304.454**
251	1. Đầu tư vào công ty con		210.866.304.454	210.866.304.454
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		732.000.000	732.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(174.334.706)	-
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**4.612.246.263**	**5.969.359.980**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.612.246.263	5.969.359.980
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**692.374.502.606**	**753.109.096.912**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**326.874.711.457**	**380.050.395.500**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**213.022.151.635**	**133.734.146.406**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	5.098.197.997	3.785.591.402
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.291.037.360	3.271.548.456
314	3. Phải trả người lao động		181.505.167	201.038.383
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.040.114.356	7.761.886.947
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	30.203.344.014	81.993.204.606
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	165.263.689.272	36.717.753.028
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.944.263.469	3.123.584
330	**II. Nợ dài hạn**		**113.852.559.822**	**246.316.249.094**
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	113.852.559.822	246.316.249.094
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**365.499.791.149**	**373.058.701.412**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**18**	**365.499.791.149**	**373.058.701.412**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		315.000.000.000	315.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*315.000.000.000*	*315.000.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.115.706.035	6.269.146.494
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.145.355.492	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.238.729.622	51.789.554.918
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		-	*(4.781.888.558)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*27.238.729.622*	*56.571.443.476*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**692.374.502.606**	**753.109.096.912**

Nguyễn Thị Tám Phượng	Phạm Duy Hạnh	Phạm Quang Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**136.251.313.220**	**159.719.115.098**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**136.251.313.220**	**159.719.115.098**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**21**	**70.061.891.147**	**69.349.958.494**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**66.189.422.073**	**90.369.156.604**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	523.772.419	1.930.413.635
22	7. Chi phí tài chính	23	27.649.015.304	30.619.540.945
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*26.692.433.626*	*29.837.293.973*
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	10.000.217.383	2.837.899.419
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**29.063.961.805**	**58.842.129.875**
31	11. Thu nhập khác	25	288.823.028	458.599.151
32	12. Chi phí khác	26	675.894.500	66.482.155
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(387.071.472)**	**392.116.996**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**28.676.890.333**	**59.234.246.871**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	1.438.160.711	2.662.803.395
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**27.238.729.622**	**56.571.443.476**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Nguyễn Thị Tám Phượng	**Phạm Duy Hạnh**	**Phạm Quang Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***28.676.890.333***	***59.234.246.871***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		50.666.161.909	51.101.510.293
03	- Các khoản dự phòng		6.182.148.433	120.000.000
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		65.798.183	(1.914.032.703)
06	- Chi phí lãi vay		27.474.680.598	30.619.540.945
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***113.065.679.456***	***139.161.265.406***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		16.949.934.222	(16.951.180.742)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(509.639.018)	33.058.731
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		30.385.940.405	2.131.193.363
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		16.021.093	4.442.487.566
14	- Tiền lãi vay đã trả		(26.969.304.121)	(30.002.807.495)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.074.620.810)	(2.058.794.859)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(328.500.000)	-
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***130.535.511.227***	***96.755.221.970***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.321.706.214)	(979.688.906)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		324.074.074	10.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.800.000.000)	(9.300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.100.000.000	5.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	47.506.451
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		532.153.240	
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(9.165.478.900)***	***(5.221.682.455)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		67.900.000.000	3.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(72.600.000.000)	(103.600.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(113.283.520.000)	-
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(117.983.520.000)***	***(100.600.000.000)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**3.386.512.327**	**(9.066.460.485)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**4.274.702.732**	**13.341.163.217**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**7.661.215.059**	**4.274.702.732**

Nguyễn Thị Tám Phượng	Phạm Duy Hạnh	Phạm Quang Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500290578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/10/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 144 đường Trường Chinh, tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.000.000.000 VND, tương đương 31.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 34 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 36 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2023, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 157.686.087.249 VND trong đó có 165.263.689.272 VND là nợ dài hạn đến hạn trả (tương ứng tại ngày 01/01/2023 số nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 74.226.442.976 VND, trong đó có 36.717.753.028 VND là nợ dài hạn đến hạn trả) cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, qua đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế cũng như các phân tích dòng tiền hoạt động của Công ty trong thời gian tới, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mua bán điện, đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn phải trả và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính này được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau	Địa chỉ
Văn phòng đại diện	Số 21, ngõ 178, đường Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống đa, Hà Nội

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.
Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 17 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 16 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 16 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác như chi phí nạo vét lòng hồ, chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền lương thưởng tháng 13 được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí lãi vay, chi phí phát hành trái phiếu và các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách Ưu đãi thuế
Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000040 ngày 14 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Sơn La	Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập thu được từ dự án. Năm 2023 là năm tài chính thứ 6 của Công ty kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và đang được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập thu được từ dự án.	Đến hết năm 2045

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động thủy điện;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.22 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng tại Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	6.745.860	226.352.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.454.469.199	2.548.350.308
Các khoản tương đương tiền (*)	1.200.000.000	1.500.000.000
	7.661.215.059	**4.274.702.732**

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 1,6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên khác		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	13.812.591.990	15.623.695.078
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	274.513.191	274.513.191
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu	234.850.548	-
	14.321.955.729	**15.898.208.269**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	**-**	**11.014.310.000**
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	-	14.310.000
- Công ty TNHH Công Nghệ CRE Việt Nam	-	11.000.000.000
Bên khác	**2.583.621.156**	**1.208.824.016**
- B Fouress Private Limited	1.904.814.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Tràng An	185.210.341	185.210.341
- Trả trước cho người bán khác	493.596.815	1.023.613.675
	2.583.621.156	**12.223.134.016**

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tạm ứng	725.338.601	6.956.751.001
- Phải thu tiền chi hộ (*)	362.499.797	211.996.921
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.964.384	97.345.205
- Thù lao HĐQT, BKS	308.000.000	336.000.000
- Tạm ứng nhân viên đã nghỉ việc	509.997.951	159.997.951
- Phải thu ngắn hạn khác	21.780.749	26.043.668
	2.016.581.482	**7.788.134.746**

(*) Là khoản phải thu tiền điện mà Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La chi hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà khi sử dụng chung hệ thống điện tại Nhà máy Thủy điện Tất Ngoẵng.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng				
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	274.513.191	(274.513.191)	274.513.191	(274.513.191)
Trả trước cho người bán				
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Tràng An	185.210.341	(185.210.341)	185.210.341	(185.210.341)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI Chi nhánh Hà Nội	120.000.000	(120.000.000)	120.000.000	(120.000.000)
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109.508.815	(109.508.815)	109.508.815	(109.508.815)
- UBND xã Mường La	4.788.000	(4.788.000)	4.788.000	(4.788.000)
Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (*)	19.676.045.757	(5.902.813.727)	19.676.045.757	-
Phải thu khác				
- Phải thu khác	509.997.951	(264.997.951)	159.997.951	(159.997.951)
	20.880.064.055	**(6.861.832.025)**	**20.530.064.055**	**(854.018.298)**

(*) Được đánh giá dựa theo thời gian quá hạn theo quy định của hợp đồng tương ứng với mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC.

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	530.400.800	20.761.782
	530.400.800	**20.761.782**

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 03.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Bảo hiểm nhà máy	238.459.608	268.753.250
- Cước dịch vụ thuê kênh truyền dữ liệu	97.618.182	134.224.999
- Chi phí dịch vụ triển khai phần mềm SAP S/4HANA	1.388.898.000	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	85.211.750	66.116.667
	1.810.187.540	**469.094.916**
Dài hạn		
- Chi phí nạo vét lòng hồ	1.818.462.752	4.856.017.916
- Công cụ, dụng cụ	238.834.782	311.711.925
- Chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy	2.554.948.729	609.105.389
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	192.524.750
	4.612.246.263	**5.969.359.980**

13 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 04.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	**282.150.000**	**90.720.000**
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	45.360.000	90.720.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	236.790.000	-
Bên khác	**4.816.047.997**	**3.694.871.402**
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Lâm	694.051.434	694.051.434
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển chiến lược Năng Lượng	485.179.367	485.179.367
- Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	409.313.383	409.313.383
- Công ty TNHH Thương mại và Công nghiệp Tàu thủy Hải Long	385.500.000	385.500.000
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	799.092.000	-
- Phải trả các đối tượng khác	2.042.911.813	1.720.827.218
	5.098.197.997	**3.785.591.402**

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 05.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	6.826.463.224	7.103.333.719
- Chi phí lương, thưởng	213.651.132	658.553.228
	7.040.114.356	**7.761.886.947**

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	55.058.014	61.398.606
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	30.000.000.000	-
- Phải trả về cổ tức	148.286.000	81.931.806.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	*-*	*67.740.088.000*
+ Cổ đông khác	*148.286.000*	*14.191.718.000*
	30.203.344.014	**81.993.204.606**

(*) Khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu về việc chia sẻ quyền sở hữu tài sản là đường dây 110kV từ Nhà máy Thủy điện Nậm La đến Trạm biến áp 220kV Sơn La nằm trên vị trí từ cột số 15 đến Trạm biến áp 220kV Sơn La, ngăn lộ tại Trạm biến áp 220kV.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 06

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	260.708.800.000	82,76	260.708.800.000	82,76
- Ông Lê Quốc Hương	36.089.000.000	11,46	36.089.000.000	11,46
- Các cổ đông khác	18.202.200.000	5,78	18.202.200.000	5,78
	315.000.000.000	**100,00**	**315.000.000.000**	**100,00**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*315.000.000.000*	*315.000.000.000*
- *Vốn góp cuối năm*	-	*315.000.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	*81.931.806.000*	*81.946.531.000*
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	*31.500.000.000*	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	31.500.000.000	-
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(113.283.520.000)*	*(14.725.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(113.283.520.000)	(14.725.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**148.286.000**	**81.931.806.000**

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.500.000	31.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	31.500.000	31.500.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*31.500.000*	*31.500.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.500.000	31.500.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*31.500.000*	*31.500.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích	Đơn giá thuê	Thời gian thuê
		m2	VND/tháng	
Bản Hua Bó, Nang Phai, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Nậm La	221.469,30	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 10/10/2020 đến 14/12/2057
Bản Phiêng Hay, Bản Ái, Bản Lả Mường, Bản Sẳng xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Nậm La	233.363,00		Từ 25/04/2015 đến 14/12/2057
Thuê đất tại bản Sẳng, bản Phiêng Hay, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Nậm La	30.347,50		Từ 27/02/2020 đến 14/12/2057
Bản Tắt Ngoẵng, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng	168.548,10		Từ 06/12/2021 đến 20/07/2044

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán điện	136.251.313.220	159.719.115.098
	136.251.313.220	**159.719.115.098**

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động bán điện		
+ Chi phí nhân công	*4.799.640.596*	*5.536.676.667*
+ Chi phí khấu hao	*50.853.700.917*	*51.101.510.293*
+ Các chi phí khác	*14.408.549.634*	*12.711.771.534*
	70.061.891.147	**69.349.958.494**

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	523.772.419	1.930.413.635
	523.772.419	**1.930.413.635**

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.692.433.626	29.837.293.973
Dự phòng tổn thất đầu tư	174.334.706	-
Chi phí phát hành trái phiếu	782.246.972	782.246.972
	27.649.015.304	**30.619.540.945**

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.273.619.591	1.179.019.049
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	47.599.335	35.374.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.083.755	-
Thuế, phí, và lệ phí	120.903.400	104.352.763
Chi phí dự phòng	6.007.813.727	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.453.511.125	154.494.273
Chi phí khác bằng tiền	1.056.686.450	1.364.658.956
	10.000.217.383	**2.837.899.419**

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ bán Chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế (I-RECs)	288.823.028	458.599.151
	288.823.028	**458.599.151**

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	589.570.602	16.380.932
Các khoản bị phạt	86.323.898	35.690.864
Chi phí khác	-	14.410.359
	675.894.500	**66.482.155**

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	28.676.890.333	59.234.246.871
Các khoản điều chỉnh tăng	86.323.898	50.101.223
- Chi phí không hợp lệ	*86.323.898*	*50.101.223*
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(6.028.280.196)
- Chuyển lỗ 2021	*-*	*(6.028.280.196)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	28.763.214.231	53.256.067.898
Thuế TNDN hiện hành theo thuế suất ưu đãi 10%	2.876.321.423	5.325.606.790
Số thuế TNDN được giảm theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP	(1.438.160.712)	(2.662.803.395)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.438.160.711**	**2.662.803.395**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	524.620.810	(79.387.726)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.074.620.810)	(2.058.794.859)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**(111.839.289)**	**524.620.810**

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	439.612.145	538.178.029
Chi phí nhân công	6.890.871.979	6.715.695.716
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.666.161.909	51.101.510.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.095.190.390	6.643.064.763
Chi phí khác bằng tiền	14.970.272.107	7.189.409.112
	80.062.108.530	**72.187.857.913**

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Tám Phượng	**Phạm Duy Hạnh**	**Phạm Quang Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31/12/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 6.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La với lãi suất 4,4%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		Mã CK	31/12/2023 Giá gốc VND	31/12/2023 Giá trị hợp lý VND	31/12/2023 Dự phòng VND	01/01/2023 Giá gốc VND	01/01/2023 Giá trị hợp lý VND	01/01/2023 Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con			**210.866.304.454**	**93.234.451.200**	**-**	**210.866.304.454**	**80.520.662.400**	**-**
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	(1)	SMA	210.866.304.454	93.234.451.200	-	210.866.304.454	80.520.662.400	-
Đầu tư vào đơn vị khác			**732.000.000**		**(174.334.706)**	**732.000.000**		**-**
- Công ty Cổ Phần Viwaseen 6	(2)		732.000.000		(174.334.706)	732.000.000		-
			211.598.304.454		**(174.334.706)**	**211.598.304.454**		**-**

(1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HOSE tại ngày 30/12/2022 và 30/12/2023.

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	52,06%	52,06%	Đầu tư xây dựng công trình thủy điện; Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, phụ tùng.
Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Viwaseen 6	Hà Nội	4,00%	4,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY

		01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn							
Bên liên quan							
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	(1)	19.676.045.757	-	-	-	19.676.045.757	(5.902.813.727)
		19.676.045.757	**-**	**-**	**-**	**19.676.045.757**	**(5.902.813.727)**
Dài hạn							
Bên liên quan							
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP		2.500.000.000	-	1.000.000.000	3.500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh		1.800.000.000	-	4.800.000.000	6.600.000.000	-	-
		4.300.000.000	**-**	**5.800.000.000**	**10.100.000.000**	**-**	**-**

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

STT	Hợp đồng vay	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
(1)	Hợp đồng số 01-2020/TĐNL-XLSĐ ngày 20/01/2020 và các phụ lục hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	9,6%/năm	12 tháng	Tín chấp	8.021.063.694	8.021.063.694
	Hợp đồng số 02-2021/TĐNL-XLSĐ ngày 31/12/2021 và các phụ lục hợp đồng					11.654.982.063	11.654.982.063
						19.676.045.757	**19.676.045.757**

Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	321.209.455.633	450.378.384.394	134.395.981.007	36.485.284	906.020.306.318
- Mua trong năm	-	*99.000.000*	-	-	*99.000.000*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*8.222.706.214*	-	-	-	*8.222.706.214*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(2.460.026.546)*	-	*(2.460.026.546)*
Số dư cuối năm	**329.432.161.847**	**450.477.384.394**	**131.935.954.461**	**36.485.284**	**911.881.985.986**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	155.064.076.675	233.913.451.866	45.272.563.445	36.485.284	434.286.577.270
- Khấu hao trong năm	*15.909.733.882*	*20.219.810.811*	*14.536.617.216*	-	*50.666.161.909*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(1.546.381.870)*	-	*(1.546.381.870)*
Số dư cuối năm	**170.973.810.557**	**254.133.262.677**	**58.262.798.791**	**36.485.284**	**483.406.357.309**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	166.145.378.958	216.464.932.528	89.123.417.562	-	471.733.729.048
Tại ngày cuối năm	**158.458.351.290**	**196.344.121.717**	**73.673.155.670**	**-**	**428.475.628.677**

Trong đó, Tài sản cố định tại Nhà máy Nậm La như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	237.415.577.066	225.169.464.620	248.930.206.620	36.485.284	711.551.733.590
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*4.039.434.498*	-	-	-	*4.039.434.498*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(2.460.026.546)*	-	*(2.460.026.546)*
Số dư cuối năm	**241.455.011.564**	**225.169.464.620**	**246.470.180.074**	**36.485.284**	**713.131.141.542**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	132.945.552.150	124.127.357.682	147.882.874.609	36.485.284	404.992.269.725
- Khấu hao trong năm	*11.077.409.663*	*12.534.384.434*	*14.347.608.492*	-	*37.959.402.589*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(1.546.381.870)*	-	*(1.546.381.870)*
Số dư cuối năm	**144.022.961.813**	**136.661.742.116**	**160.684.101.231**	**36.485.284**	**441.405.290.444**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	104.470.024.916	101.042.106.938	101.047.332.011	-	306.559.463.865
Tại ngày cuối năm	**97.432.049.751**	**88.507.722.504**	**85.786.078.843**	**-**	**271.725.851.098**

Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Trong đó, Tài sản cố định tại Nhà máy Tắt Ngoẵng như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	**Cộng** **VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	50.126.958.182	56.518.181.818	87.823.432.728	-	194.468.572.728
- Mua trong năm	-	*99.000.000*	-	-	*99.000.000*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*4.183.271.716*	-	-	-	*4.183.271.716*
Số dư cuối năm	**54.310.229.898**	**56.617.181.818**	**87.823.432.728**	**-**	**198.750.844.444**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.432.681.424	8.791.717.172	13.069.908.953	-	29.294.307.549
- Khấu hao trong năm	*3.171.838.369*	*3.929.959.323*	*5.604.961.624*	-	*12.706.759.316*
Số dư cuối năm	**10.604.519.793**	**12.721.676.495**	**18.674.870.577**	**-**	**42.001.066.865**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	42.694.276.758	47.726.464.646	74.753.523.775	-	165.174.265.179
Tại ngày cuối năm	**43.705.710.105**	**43.895.505.323**	**69.148.562.151**	**-**	**156.749.777.579**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình của Nhà máy Thủy điện Nậm La đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 186.908.732.846 VND;
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình của Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 87.510.668.846 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.529.567.574 VND.

Phụ lục 04 : VAY

		01/01/2023	Trong năm		31/12/2023
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn		-	2.500.000.000	2.500.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4		-	*2.500.000.000*	*2.500.000.000*	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		36.717.753.028	165.263.689.272	36.717.753.028	165.263.689.272
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành	*(1)*	*32.700.000.000*	*27.920.000.000*	*32.700.000.000*	*27.920.000.000*
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	*(2)*	*4.800.000.000*	*6.000.000.000*	*4.800.000.000*	*6.000.000.000*
Trái phiếu phát hành (d)		(782.246.972)	131.343.689.272	(782.246.972)	131.343.689.272
- Gốc trái phiếu		-	*131.800.000.000*	-	*131.800.000.000*
- Chi phí phát hành giảm trừ vào gốc trái phiếu		*(782.246.972)*	*(456.310.728)*	*(782.246.972)*	*(456.310.728)*
		36.717.753.028	**165.263.689.272**	**36.717.753.028**	**165.263.689.272**
b. Vay dài hạn					
Vay dài hạn		146.172.559.822	65.400.000.000	63.800.000.000	147.772.559.822
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành	*(1)*	*131.708.559.822*	-	*49.000.000.000*	*82.708.559.822*
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	*(2)*	*14.464.000.000*	-	*4.800.000.000*	*9.664.000.000*
- Vũ Tuấn Cường	*(3)*	-	*65.400.000.000*	*10.000.000.000*	*55.400.000.000*
Trái phiếu phát hành (d)		136.861.442.300	-	5.517.753.028	131.343.689.272
- Gốc trái phiếu		*138.100.000.000*	-	*6.300.000.000*	*131.800.000.000*
- Chi phí phát hành giảm trừ vào gốc trái phiếu		*(1.238.557.700)*	-	*(782.246.972)*	*(456.310.728)*
		283.034.002.122	**65.400.000.000**	**69.317.753.028**	**279.116.249.094**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(36.717.753.028)	(165.263.689.272)	(36.717.753.028)	(165.263.689.272)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		**246.316.249.094**		**32.600.000.000**	**113.852.559.822**

Phụ lục 04 : Vay (tiếp theo)

c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

STT	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
(1)	Hợp đồng tín dụng số 16/VIP-BB-TH/0107	120 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thanh toán tái cấu trúc dư nợ các khoản vay theo các hợp đồng trung dài hạn số 1612-ĐĐ-CG/HĐTD-LienVietPostBank ngày 17/06/2012 và 1712-ĐĐ-CG/HĐTD-LienVietPostBank ngày 17/06/2012 ký giữa Bên vay và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Đông Đô; là các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán đối với Dự án	Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản thuộc Dự án thủy điện Nậm La, quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 43/EVNNPC- B9 ngày 30/07/2010 ký giữa Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và các biện pháp đảm bảo khác theo yêu cầu của bên cho vay
(2)	Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 01/2021/HĐKT/HĐTD-NHPT	180 tháng	9,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản đảm bảo là toàn bộ Tài sản hình thành sau đầu tư dự án và các tài sản có thể hình thành trong tương lai.
(3)	Hợp đồng vay vốn số 2410/2023/HĐVV/NL-VTC	24 tháng	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

d. Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường:

Loại trái phiếu: Trái phiếu phát hành theo mệnh giá.
Thời hạn trái phiếu là 03 năm; Lãi suất cố định 10,2%/năm cho 4 kỳ thanh toán đầu tiên; Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sau 04 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 4%/năm. Lãi được trả định kỳ 06 tháng/lần.
Tổng giá trị đã phát hành: Khối lượng đã phát hành là 1.381 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có đảm bảo bằng tài sản. Mệnh giá trái phiếu 100.000.000 VND/trái phiếu.
Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động, thanh toán cho các giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Hình thức bảo đảm: Toàn bộ nhà máy trạm phân phối Nhà máy Thủy điện Nậm La, toàn bộ công trình tuyến năng lượng đập đầu mối thuộc nhà máy thủy điện Nậm La, toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ hoạt động nhà máy Thủy điện Nậm La.
Số dư tại ngày 01/01/2023: 138.100.000.000 VND
Số dư tại ngày 31/12/2023: 131.800.000.000 VND
Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng vốn đúng mục đích phát hành trái phiếu
Bên liên quan nắm giữ trái phiếu: Không có

Phụ lục 05 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	1.035.171.149	11.902.122.946	12.059.750.645	-	877.543.450
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	59.886.225	59.886.225	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	524.620.810	1.438.160.711	2.074.620.810	111.839.289	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	11.639.110	-	1.622.627.174	1.623.630.795	12.642.731	-
- Thuế Tài nguyên (*)	-	619.805.577	10.661.630.523	10.742.134.166	-	539.301.934
- Các loại thuế khác	-	-	26.612.285	3.000.000	-	23.612.285
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	400	1.091.950.920	5.646.306.152	5.887.677.381	400	850.579.691
	11.639.510	**3.271.548.456**	**31.357.346.016**	**32.450.700.022**	**124.482.420**	**2.291.037.360**

(*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 06 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**315.000.000.000**	**6.269.146.494**	**-**	**(4.529.888.558)**	**316.739.257.936**
Lãi trong năm trước	-	-	-	56.571.443.476	56.571.443.476
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(252.000.000)	(252.000.000)
Số dư cuối năm trước	**315.000.000.000**	**6.269.146.494**	**-**	**51.789.554.918**	**373.058.701.412**
Lãi trong năm nay	-	-	-	27.238.729.622	27.238.729.622
Phân phối lợi nhuận (*)	-	11.846.559.541	5.145.355.492	(51.789.554.918)	(34.797.639.885)
Số dư cuối năm nay	**315.000.000.000**	**18.115.706.035**	**5.145.355.492**	**27.238.729.622**	**365.499.791.149**

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền
	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	51.789.554.918
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	11.846.559.541
- Trích Quỹ khen thưởng	2.961.639.885
- Trích Quỹ dự phòng tài chính	5.145.355.492
- Chi trả cổ tức	31.500.000.000
- Thù lao HĐQT, BKS	336.000.000
Tổng Lợi nhuận phân phối	**51.789.554.918**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500290578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/10/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch	
Ông	Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Tiến Khanh	Phó Chủ tịch	
Ông	Thiều Quang Quyến	Ủy viên	
Ông	Phạm Quang Minh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 30/05/2023)
Bà	Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 30/05/2023)

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông	Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Số: 060324.012/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được lập ngày 06 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hoàng Đức Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**155.777.157.198**	**73.538.237.286**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**25.807.199.925**	**7.521.291.891**
111	1. Tiền		24.607.199.925	6.021.291.891
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.200.000.000	1.500.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**6.000.000.000**	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	6.000.000.000	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**118.090.221.877**	**63.256.545.143**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	22.327.019.762	23.113.478.477
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.688.621.156	12.866.074.461
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	93.676.045.757	19.676.045.757
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	6.260.367.227	8.454.964.746
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(6.861.832.025)	(854.018.298)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**10**	**1.991.217.950**	**1.741.541.985**
141	1. Hàng tồn kho		2.000.013.950	1.750.337.985
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.796.000)	(8.796.000)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**3.888.517.446**	**1.018.858.267**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.764.035.026	1.018.857.867
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	124.482.420	400
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**866.968.933.315**	**953.340.893.113**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**-**	**4.324.600.000**
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	4.300.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	24.600.000
220	**II. Tài sản cố định**		**775.350.247.851**	**843.233.155.233**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	775.350.247.851	843.233.155.233
222	*- Nguyên giá*		*1.509.040.852.618*	*1.503.179.172.950*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(733.690.604.767)*	*(659.946.017.717)*
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**557.665.294**	**732.000.000**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		732.000.000	732.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(174.334.706)	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**91.061.020.170**	**105.051.137.880**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.821.710.447	9.044.757.455
269	2. Lợi thế thương mại	13	85.239.309.723	96.006.380.425
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.022.746.090.513**	**1.026.879.130.399**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 (Đã điều chỉnh) VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**547.730.001.891**	**543.964.820.399**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**249.787.442.069**	**218.058.571.305**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.021.321.769	4.378.767.692
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	8.129.461.151	6.824.619.251
314	3. Phải trả người lao động		645.565.619	618.582.974
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	8.697.100.657	14.668.069.994
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	30.331.079.795	83.494.056.811
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	191.263.689.272	105.851.294.842
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	-	1.334.954.636
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.699.223.806	888.225.105
330	**II. Nợ dài hạn**		**297.942.559.822**	**325.906.249.094**
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	90.000.000	90.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	297.852.559.822	325.816.249.094
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**475.016.088.622**	**482.914.310.000**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**20**	**475.016.088.622**	**482.914.310.000**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		315.000.000.000	315.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*315.000.000.000*	*315.000.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		23.201.635.517	6.269.146.494
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.145.355.492	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.941.403.330	53.916.537.170
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(3.755.038.764)*	*(5.213.928.533)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*22.696.442.094*	*59.130.465.703*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		112.727.694.283	107.728.626.336
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.022.746.090.513**	**1.026.879.130.399**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Nguyễn Thị Tám Phượng	Phạm Duy Hạnh	Phạm Quang Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Đã điều chỉnh) VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**22**	**212.579.594.202**	**244.485.466.065**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**212.579.594.202**	**244.485.466.065**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**23**	**108.283.292.703**	**108.375.692.539**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**104.296.301.499**	**136.109.773.526**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	3.638.819.516	1.964.971.701
22	7. Chi phí tài chính	25	50.222.191.834	46.766.284.721
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*49.777.444.963*	*46.826.867.460*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	16.296.720
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.555.643.613	15.701.191.329
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**34.157.285.568**	**75.590.972.457**
31	12. Thu nhập khác	27	402.643.365	1.698.433.581
32	13. Chi phí khác	28	740.894.500	66.482.155
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(338.251.135)**	**1.631.951.426**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**33.819.034.433**	**77.222.923.883**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	5.390.435.110	5.820.984.976
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**28.428.599.323**	**71.401.938.907**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**22.696.442.094**	**59.130.465.703**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**5.732.157.229**	**12.271.473.204**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**30**	**721**	**1.877**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Nguyễn Thị Tám Phượng	Phạm Duy Hạnh	Phạm Quang Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***33.819.034.433***	***77.222.923.883***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		86.058.039.622	86.524.896.396
03	- Các khoản dự phòng		4.847.193.797	(733.748.511)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.049.065.485)	(1.917.697.476)
06	- Chi phí lãi vay		50.559.691.935	43.790.074.713
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***172.234.894.302***	***204.886.449.005***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		15.832.606.535	7.543.795.807
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(249.675.965)	1.091.744.220
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		26.785.650.690	(49.588.085.932)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		477.869.849	5.131.491.081
14	- Tiền lãi vay đã trả		(51.069.472.485)	(41.126.711.657)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.371.945.298)	(2.058.794.859)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(987.822.000)	(66.300.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***157.652.105.628***	***125.813.587.665***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.321.706.214)	(1.015.859.815)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		324.074.074	10.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(87.800.000.000)	(21.706.748.549)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.100.000.000	5.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		948.496.360	(8.687.108.162)
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(82.749.135.780)***	***(26.399.216.526)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		384.750.000.000	59.303.361.643
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(328.083.541.814)	(166.891.269.346)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(113.283.520.000)	-
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(56.617.061.814)***	***(107.587.907.702)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**18.285.908.034**	**(8.173.536.563)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**7.521.291.891**	**15.694.828.454**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**25.807.199.925**	**7.521.291.891**

Nguyễn Thị Tám Phượng	Phạm Duy Hạnh	Phạm Quang Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500290578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/10/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.000.000.000 đồng, tương đương 31.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 52 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 56 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng.

Cấu trúc Tập đoàn
Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	205A Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	52,06%	Đầu tư xây dựng công trình thủy điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Các tài sản khác	25 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác như chi phí nạo vét lòng hồ, chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí phát hành trái phiếu;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách Ưu đãi thuế
Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000040 ngày 14 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Sơn La	Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập thu được từ dự án. Năm 2023 là năm tài chính thứ 6 của Công ty kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và đang được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong	Đến hết năm 2045

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động thủy điện.
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong nước và hơn 90% từ hoạt động bán điện. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

		31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt		1.354.284.162	2.379.962.781
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		23.252.915.763	3.641.329.110
Các khoản tương đương tiền	(*)	1.200.000.000	1.500.000.000
		25.807.199.925	**7.521.291.891**

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 1,6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên khác		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	7.933.064.033	7.031.844.108
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	13.812.591.990	15.623.695.078
- Các khách hàng khác	581.363.739	457.939.291
	22.327.019.762	**23.113.478.477**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	**-**	**11.014.310.000**
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	-	14.310.000
- Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	-	11.000.000.000
Bên khác	**2.688.621.156**	**1.851.764.461**
- B Fouress Private Limited	1.904.814.000	-
- Trả trước cho người bán khác	783.807.156	1.851.764.461
	2.688.621.156	**12.866.074.461**

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

		31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
- Tạm ứng	(1)	2.062.603.798	7.065.751.001
- Phải thu tiền chi hộ	(2)	362.499.797	211.996.921
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		2.787.484.932	97.345.205
- Thù lao HĐQT, BKS		308.000.000	336.000.000
- Tạm ứng nhân viên đã nghỉ việc		509.997.951	159.997.951
- Kinh phí công đoàn		-	630.000
- Phụ cấp thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát		208.000.000	557.200.000
- Phải thu ngắn hạn khác		21.780.749	26.043.668
		6.260.367.227	**8.454.964.746**

(1) Số dư tạm ứng cho nhân viên của Công ty để thực hiện mua sắm vật tư, thiết bị tại nhà máy và các hoạt động khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

(2) Là khoản phải thu tiền điện mà Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La chi hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà khi sử dụng chung hệ thống điện tại Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng				
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	274.513.191	(274.513.191)	274.513.191	(274.513.191)
Trả trước cho người bán				
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Tràng An	185.210.341	(185.210.341)	185.210.341	(185.210.341)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI Chi nhánh Hà Nội	120.000.000	(120.000.000)	120.000.000	(120.000.000)
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109.508.815	(109.508.815)	109.508.815	(109.508.815)
- UBND xã Mường La	4.788.000	(4.788.000)	4.788.000	(4.788.000)
Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	19.676.045.757	(5.902.813.727)	19.676.045.757	-
Phải thu ngắn hạn khác				
- Phải thu khác	509.997.951	(264.997.951)	159.997.951	(159.997.951)
	20.880.064.055	**(6.861.832.025)**	**20.530.064.055**	**(854.018.298)**

(*) Được đánh giá dựa theo thời gian quá hạn theo quy định của hợp đồng tương ứng với mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC.

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.931.870.075	-	1.140.793.389	-
- Công cụ, dụng cụ	38.823.875	-	580.224.596	-
- Hàng hóa	29.320.000	(8.796.000)	29.320.000	(8.796.000)
	2.000.013.950	**(8.796.000)**	**1.750.337.985**	**(8.796.000)**

Giá trị hàng tồn kho đã lỗi thời là hàng điện lạnh đang chờ thanh lý: 29.320.000 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 03.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	213.634.031	28.634.601
- Chi phí dịch vụ triển khai phần mềm SAP S/4HANA	2.264.898.000	-
- Bảo hiểm nhà máy	238.459.608	268.753.250
- Thiết bị và phần mềm quan trắc	-	172.414.528
- Cước dịch vụ thuê kênh truyền dữ liệu	97.618.182	134.224.999
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	729.780.000	348.713.822
- Phí bảo hiểm cháy nổ	134.433.455	-
- Chi phí khác	85.211.750	66.116.667
	3.764.035.026	**1.018.857.867**
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	451.057.574	1.226.603.806
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	997.241.392	2.769.610.983
- Chi phí nạo vét lòng hồ	1.818.462.752	4.856.017.916
- Chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy	2.554.948.729	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	192.524.750
	5.821.710.447	**9.044.757.455**

13 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
	VND
Nguyên giá	
- Số dư đầu năm	107.670.707.019
- Số dư cuối năm	**107.670.707.019**
Số phân bổ lũy kế	
- Số dư đầu năm	11.664.326.594
- Số phân bổ trong năm	10.767.070.702
- Số dư cuối năm	**22.431.397.296**
Giá trị còn lại	
- Số dư đầu năm	96.006.380.425
- Số dư cuối năm	**85.239.309.723**

Tại ngày 20/12/2021, Công ty đã mua 52,06% cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300542187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 24 tháng 03 năm 2021. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn là xây dựng thủy điện, sản xuất kinh doanh điện năng, kinh doanh thương mại. Giá phí khoản đầu tư là 210.866.304.454 VND, tổng tài sản thuần của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn 198.224.351.584 VND, lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm Công ty đạt quyền kiểm soát là 107.670.707.019 VND.

14 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 04.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan	**282.150.000**	**590.720.000**
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	236.790.000	500.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	45.360.000	90.720.000
Bên khác	**5.739.171.769**	**3.788.047.692**
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Lâm	694.051.434	694.051.434
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển chiến lược năng lượng	485.179.367	485.179.367
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	799.092.000	306.923.862
- Phải trả các đối tượng khác	3.760.848.968	2.301.893.029
	6.021.321.769	**4.378.767.692**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 05.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 (Đã điều chỉnh) VND
- Chi phí lãi vay	8.483.449.525	9.775.477.047
- Phải trả tiền lãi thi hành án (*)	-	4.234.039.719
- Chi phí lương, thưởng	213.651.132	658.553.228
	8.697.100.657	**14.668.069.994**
Trong đó: Bên liên quan		
- Vũ Tuấn Cường	942.558.904	-
	942.558.904	**-**

(*) Khoản phải trả tiền lãi thi hành án theo Thông báo số 11542/CTHADS ngày 13/07/2023 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo nghĩa vụ thi hành án. Khoản phạt lãi nộp chậm của số tiền 50 tỷ đồng Công ty đã nộp vào Ngân sách Nhà nước trong năm 2022, tính từ ngày 02/12/2021 đến ngày 04/10/2022. Theo đó, 415.000.000 VND tiền lãi liên quan đến giai đoạn trước năm 2022 đã được phản ánh vào Chỉ tiêu 421a "LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" và Chỉ tiêu 429 "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"; và 3.819.039.719 VND tiền lãi được hồi tố vào năm 2022 (Thuyết minh 25).

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	55.058.014	61.398.606
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	30.000.000.000	-
- Phải trả về cổ tức	148.286.000	81.931.806.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	-	*67.740.088.000*
+ Cổ đông khác	*148.286.000*	*14.191.718.000*
- Phí dịch vụ môi trường rừng phải trả Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	127.735.781	1.500.852.205
	30.331.079.795	**83.494.056.811**
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	90.000.000
	90.000.000	**90.000.000**

18 . PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(*) Khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu về việc chia sẻ quyền sở hữu tài sản là đường dây 110kV từ Nhà máy Thủy điện Nậm La đến Trạm biến áp 220kV Sơn La nằm trên vị trí từ cột số 15 đến Trạm biến áp 220kV Sơn La, ngăn lộ tại Trạm biến áp 220kV.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Dự phòng phải trả tiền lãi vay Ngân hàng Techcombank	-	1.334.954.636
	-	**1.334.954.636**

Dự phòng phải đã được thanh toán bởi các cá nhân có liên quan của Công ty (trực tiếp cho bên cho vay) theo Xác nhận nợ số 006122/2023/CV-AMC của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ngày 05/07/2023. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập Dự phòng chi phí lãi vay tại Thuyết minh số 25.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 06

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023 VND	Tỷ lệ %	01/01/2023 VND	Tỷ lệ %
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	260.708.800.000	82,76	260.708.800.000	82,76
- Ông Lê Quốc Hương	36.089.000.000	11,46	36.089.000.000	11,46
- Các cổ đông khác	18.202.200.000	5,78	18.202.200.000	5,78
	315.000.000.000	**100,00**	**315.000.000.000**	**100,00**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*315.000.000.000*	*315.000.000.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*315.000.000.000*	*315.000.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	*81.931.806.000*	*81.946.531.000*
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	*31.500.000.000*	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	31.500.000.000	-
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(113.283.520.000)*	*(14.725.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(113.283.520.000)	(14.725.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**148.286.000**	**81.931.806.000**

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.500.000	31.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	31.500.000	31.500.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*31.500.000*	*31.500.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.500.000	31.500.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*31.500.000*	*31.500.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.201.635.517	6.269.146.494

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo Hợp đồng thuê kho bãi với Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Đầu tư Sài Gòn tại số 230A Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh. Tổng diện tích cho thuê bao gồm văn phòng, công trình phụ và bãi giữ xe là 1.540m2, đơn giá thuê là 99.000.000 VND/tháng (đã bao gồm 10% VAT). Hợp đồng tự động gia hạn thời gian thuê cho đến khi hai bên thống nhất dừng thuê. Vị trí này được thuê lại từ Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh theo thuyết minh bên dưới và không có tài sản gắn liền với đất.

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê văn phòng và thuê đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, cụ thể:

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích	Đơn giá thuê	Thời gian thuê
		m^2	VND/tháng	
Tầng 3, tòa nhà Văn phòng Thủy Lợi 4, số 205a Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	Sử dụng làm văn phòng làm việc	41,00	12.300.000	1 năm, tự động gia hạn
Số 230A Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	Cho thuê kho thiết bị tại khu đất	23.387,20	258.194.688	Từ 01/01/1996 đến 01/01/2046
Xã Bù Gia Mập, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước (*)	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Đăk Glun	570.675,00	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 09/09/2009 đến 09/09/2059
Xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		325.064,00		
Xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (*)	Xây dựng đường dây đấu nối từ Nhà máy Thủy điện Đăk Glun vào lưới điện quốc gia	125.066,00	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 18/11/2010 đến 09/09/2059
Xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (*)		55.620,00		

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích m^2	Đơn giá thuê VND/tháng	Thời gian thuê
Bản Hua Bó, Nang Phai, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Nậm La	221.469,30	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 10/10/2009 đến 14/12/2057
Bản Phiêng Hay, Bản Ái, Bản Lả Mường, bản Sằng xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La		233.363,00		Từ 25/04/2015 đến 14/12/2057
Bản Sằng, bản Phiêng Hay, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La		30.347,50		Từ 27/02/2020 đến 14/12/2057
Bản Tất Ngoẵng, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Tất Ngoẵng	168.548,10	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 06/12/2021 đến 20/07/2044

(*) Các khu đất được miễn tiền thuê đất đến 09/2020 nhưng hiện tại vẫn chưa có thông báo nộp tiền thuê đất do Cục thuế địa phương đang chờ văn bản từ Sở Tài chính để xác định đơn giá thuê đất.

Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ	USD	-	66,22

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán điện	209.349.300.061	239.052.655.103
Doanh thu bán hàng hóa	-	506.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.230.294.141	4.926.810.962
	212.579.594.202	**244.485.466.065**

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán điện	106.433.198.952	104.611.703.304
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	475.440.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.850.093.751	3.288.549.235
	108.283.292.703	**108.375.692.539**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)*	**2.765.419.193**	**1.975.388.888**

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.638.636.087	1.934.078.408
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	183.429	30.893.293
	3.638.819.516	**1.964.971.701**
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan	**2.090.094.246**	**1.888.991.659**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)		

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lãi tiền vay	49.777.444.963	43.007.827.741
Lãi thi hành án (Thuyết minh 17*)	-	3.819.039.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	10.918.800
Dự phòng tổn thất đầu tư	174.334.706	-
Chi phí phát hành trái phiếu	782.246.972	782.246.972
Hoàn nhập chi phí (Thuyết minh 19)	(511.834.807)	(853.748.511)
	50.222.191.834	**46.766.284.721**
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan	**1.382.595.890**	**75.163.090**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)		

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	2.315.100
Chi phí nhân công	1.791.335.712	2.413.354.920
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	57.186.229	66.325.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.011.272	9.683.881
Thuế, phí, và lệ phí	445.128.222	137.587.245
Chi phí dự phòng	6.007.813.727	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.618.557.055	718.921.774
Phân bổ lợi thế thương mại	10.767.070.702	10.767.070.702
Chi phí khác bằng tiền	1.814.540.694	1.585.932.289
	23.555.643.613	**15.701.191.329**
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	**84.000.000**	**84.000.000**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)		

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ bán chứng chỉ năng lượng quốc tế IREC	288.823.028	458.599.151
Thu nhập khác	113.820.337	1.239.834.430
	402.643.365	**1.698.433.581**

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	589.570.602	16.380.932
Các khoản bị phạt	151.323.898	35.690.864
Chi phí khác	-	14.410.359
	740.894.500	**66.482.155**

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Đã điều chỉnh) VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.438.160.711	2.662.803.395
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	3.952.274.399	3.158.181.581
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	*3.952.274.399*	*3.158.181.581*
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	**5.390.435.110**	**5.820.984.976**

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	22.696.442.094	59.130.465.703
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.696.442.094	59.130.465.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.500.000	31.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**721**	**1.877**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.234.802.529	3.411.463.543
Chi phí nhân công	11.606.626.324	12.282.921.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	86.058.039.622	75.757.825.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.012.039.811	11.040.739.437
Chi phí khác bằng tiền	17.927.428.030	10.341.422.958
	131.838.936.316	**112.834.373.166**

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	Cùng thành viên HĐQT (Không còn là bên liên quan từ 26/04/2023)
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Xuân Minh	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Khanh	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Thiều Quang Quyến	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn của Công ty mẹ (không còn là Cổ đông lớn từ ngày 28/02/2023)
Ông Lê Quốc Hương	Cổ đông lớn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền cho vay	**2.090.094.246**	**1.888.991.659**
- Ông Vũ Ngọc Tú	-	166.667
- Ông Lê Quốc Hương	1.152.739.726	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	-	1.785.561.979
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	161.334.246	100.945.205
- Công ty Cổ phần Thuỷ điện Xuân Minh	168.483.287	2.317.808
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	607.536.987	-
Chi phí duy tu bảo dưỡng nhà máy	**2.423.500.000**	**877.000.000**
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	2.423.500.000	877.000.000
Chi phí lãi vay	**1.382.595.890**	**75.163.090**
- Ông Vũ Ngọc Tú	-	50.505.556
- Ông Vũ Tuấn Cường	1.078.445.205	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	-	24.657.534
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	301.068.493	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4	3.082.192	-
Thuê xe	**84.000.000**	**84.000.000**
- Công ty Cổ phần Thuỷ điện Xuân Minh	84.000.000	84.000.000
Mua hàng hóa dịch vụ	**341.919.193**	**1.098.388.888**
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	-	709.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	341.919.193	388.888.888

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	VND	VND
- Ông Vũ Ngọc Tú	60.000.000	60.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	48.000.000	48.000.000
- Ông Nguyễn Tiến Khanh	48.000.000	48.000.000
- Ông Thiều Quang Quyến	48.000.000	48.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	20.000.000	48.000.000
- Bà Đinh Thị Hạnh	36.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	40.000.000	24.000.000
- Ông Nguyễn Văn Bình	24.000.000	24.000.000
- Ông Phạm Quang Minh	88.000.000	60.000.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10.434.030.275	14.668.069.994	4.234.039.719
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(4.997.879.533)	(5.213.928.533)	(216.049.000)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	61.118.657.781	59.130.465.703	(1.988.192.078)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	109.758.424.977	107.728.626.336	(2.029.798.641)
b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
- Chi phí tài chính	22	42.947.245.002	46.766.284.721	3.819.039.719
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	75.220.978.626	71.401.938.907	(3.819.039.719)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	61.118.657.781	59.130.465.703	(1.988.192.078)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	14.102.320.845	12.271.473.204	(1.830.847.641)
c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
- Lợi nhuận trước thuế	01	81.041.963.602	77.222.923.883	(3.819.039.719)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(53.407.125.651)	(49.588.085.932)	3.819.039.719

Các khoản điều chỉnh nêu trên được thực hiện do Công ty con điều chỉnh hồi tố khoản tiền lãi thi hành án các năm trước theo Thông báo số 11542/CTHADS ngày 13/07/2023 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Nguyễn Thị Tám Phượng	Phạm Duy Hạnh	Phạm Quang Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31/12/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 6.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La với lãi suất 4,4%/năm.

b. Đầu tư vào đơn vị khác

		31/12/2023			01/01/2023		
	Mã CK	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác							
- Công ty Cổ Phần Viwaseen 6		732.000.000		(174.334.706)	732.000.000		-
		732.000.000		**(174.334.706)**	**732.000.000**		**-**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Viwaseen 6	Hà Nội	4,00%	4,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY

		01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn							
Bên liên quan		**19.676.045.757**	**-**	**41.000.000.000**	**-**	**60.676.045.757**	**(5.902.813.727)**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	(1)	19.676.045.757	-	-	-	19.676.045.757	(5.902.813.727)
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	(2)	-	-	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
- Ông Lê Quốc Hương	(3)	-	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Bên khác		**-**	**-**	**35.000.000.000**	**2.000.000.000**	**33.000.000.000**	**-**
- Ông Vũ Ngọc Minh	(4)	-	-	35.000.000.000	2.000.000.000	33.000.000.000	-
		19.676.045.757	**-**	**76.000.000.000**	**2.000.000.000**	**93.676.045.757**	**(5.902.813.727)**
b. Dài hạn							
Bên liên quan							
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP		2.500.000.000	-	1.000.000.000	3.500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thuỷ điện Xuân Minh		1.800.000.000	-	4.800.000.000	6.600.000.000	-	-
		4.300.000.000	**-**	**5.800.000.000**	**10.100.000.000**	**-**	**-**

Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

STT	Hợp đồng	Mục đích	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
			%/năm			VND	VND
(1)	Hợp đồng số 01-2020/TĐNL-XLSĐ ngày 20/01/2020 và các phụ lục hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	9,60	12 tháng	Tín chấp	8.021.063.694	8.021.063.694
	Hợp đồng số 02-2021/TĐNL-XLSĐ ngày 31/12/2021 và các phụ lục hợp đồng					11.654.982.063	11.654.982.063
(2)	13/2023/HĐTD-SMA ngày 14/09/2023	Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh	9,00	3 tháng	Tín chấp	6.000.000.000	-
	14/2023/HĐTD-SMA ngày 22/09/2023	Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh	9,00	3 tháng	Tín chấp	10.000.000.000	-
(3)	10A/2023/HĐTD-SMA ngày 31/07/2023	Phục vụ mục đích cá nhân	11,00	12 tháng	Tài sản đảm bảo của bên thứ ba (*)	25.000.000.000	-
(4)	10/2023/HĐTD-SMA ngày 31/07/2023	Phục vụ mục đích cá nhân	11,00	12 tháng		15.000.000.000	-
	11/2023/HĐTD-SMA ngày 31/07/2023	Phục vụ mục đích cá nhân	11,00	12 tháng		15.000.000.000	-
	12/2023/HĐTD-SMA ngày 31/07/2023	Phục vụ mục đích cá nhân	11,00	12 tháng		3.000.000.000	-
						93.676.045.757	**19.676.045.757**

(*) Tài sản đảm bảo của bên thứ ba là Quyền sở hữu toàn bộ Hợp đồng vay tiền số 23/2022/HĐTD-VCP ký ngày 13/06/2022 trị giá 104.000.000.000 VND giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP & ông Vũ Tuấn Cường và Phụ lục hợp đồng số 04-23/2022/HĐTD-VCP ngày 19/01/2023. Các tài sản này được quy định theo hợp đồng đảm bảo tài sản của bên thứ ba số 01/2023/HĐĐB và 02/2023/HĐĐB ngày 31/07/2023.

Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	826.073.570.114	464.703.374.637	125.667.656.953	101.749.739	86.632.821.507	1.503.179.172.950
- Mua trong năm	-	*99.000.000*	-	-	-	*99.000.000*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*8.222.706.214*	-	-	-	-	*8.222.706.214*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(2.460.026.546)*	-	-	*(2.460.026.546)*
Số dư cuối năm	**834.296.276.328**	**464.802.374.637**	**123.207.630.407**	**101.749.739**	**86.632.821.507**	**1.509.040.852.618**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	311.766.854.353	243.968.280.743	71.212.072.611	78.337.916	32.920.472.094	659.946.017.717
- Khấu hao trong năm	*29.117.120.239*	*28.165.227.382*	*14.536.617.216*	*6.691.217*	*3.465.312.866*	*75.290.968.920*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(1.546.381.870)*	-	-	*(1.546.381.870)*
Số dư cuối năm	**340.883.974.592**	**272.133.508.125**	**84.202.307.957**	**85.029.133**	**36.385.784.960**	**733.690.604.767**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	514.306.715.761	220.735.093.894	54.455.584.342	23.411.823	53.712.349.413	843.233.155.233
Tại ngày cuối năm	**493.412.301.736**	**192.668.866.512**	**39.005.322.450**	**16.720.606**	**50.247.036.547**	**775.350.247.851**

- Các TSCĐ hữu hình của Công ty là tài sản tại Nhà máy Thủy điện Đak Glun, Nhà máy Thủy điện Nậm La và Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày cuối năm là 609.056.012.811 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.544.463.623 VND.

Phụ lục 04 : VAY

		01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn		15.133.541.814	15.133.541.814	7.350.000.000	22.483.541.814	-	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4		-	-	*2.500.000.000*	*2.500.000.000*	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn		*976.880.171*	*976.880.171*	-	*976.880.171*	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP		-	-	*5.400.000.000*	*5.400.000.000*	-	-
- Vay cá nhân		*14.156.661.643*	*14.156.661.643*	*1.950.000.000*	*16.106.661.643*	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		90.717.753.028	90.717.753.028	201.263.689.272	100.717.753.028	191.263.689.272	191.263.689.272
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Bình Phước		*54.000.000.000*	*54.000.000.000*	-	*54.000.000.000*	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành	*(1)*	*32.700.000.000*	*32.700.000.000*	*27.920.000.000*	*32.700.000.000*	*27.920.000.000*	*27.920.000.000*
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	*(2)*	*4.800.000.000*	*4.800.000.000*	*6.000.000.000*	*4.800.000.000*	*6.000.000.000*	*6.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	*(3)*	-	-	*36.000.000.000*	*10.000.000.000*	*26.000.000.000*	*26.000.000.000*
Trái phiếu phát hành	(d)	(782.246.972)	(782.246.972)	131.343.689.272	(782.246.972)	131.343.689.272	131.343.689.272
- Gốc trái phiếu		-	-	*131.800.000.000*	-	*131.800.000.000*	*131.800.000.000*
- Chi phí phát hành giảm trừ vào gốc trái phiếu		*(782.246.972)*	*(782.246.972)*	*(456.310.728)*	*(782.246.972)*	*(456.310.728)*	*(456.310.728)*
		105.851.294.842	**105.851.294.842**	**211.113.689.272**	**125.701.294.842**	**191.263.689.272**	**191.263.689.272**

Phụ lục 04 : VAY (tiếp theo)

		01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Vay dài hạn							
Vay dài hạn		279.672.559.822	229.672.559.822	377.400.000.000	299.300.000.000	357.772.559.822	357.772.559.822
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Bình Phước		*83.500.000.000*	*83.500.000.000*	-	*83.500.000.000*	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành	*(1)*	*131.708.559.822*	*131.708.559.822*	-	*49.000.000.000*	*82.708.559.822*	*82.708.559.822*
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	*(2)*	*14.464.000.000*	*14.464.000.000*	-	*4.800.000.000*	*9.664.000.000*	*9.664.000.000*
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	*(3)*	-	-	*220.000.000.000*	*10.000.000.000*	*210.000.000.000*	*210.000.000.000*
- Bà Trần Thị Tuế		*44.000.000.000*	-	-	*44.000.000.000*	-	-
- Ông Nguyễn Phúc Linh		*6.000.000.000*	-	-	*6.000.000.000*	-	-
- Ông Vũ Tuấn Cường	*(4)*	-	-	*157.400.000.000*	*102.000.000.000*	*55.400.000.000*	*55.400.000.000*
Trái phiếu phát hành	(d)	136.861.442.300	136.861.442.300	-	5.517.753.028	131.343.689.272	131.343.689.272
- Gốc trái phiếu		*138.100.000.000*	*138.100.000.000*	-	*6.300.000.000*	*131.800.000.000*	*131.800.000.000*
- Chi phí phát hành giảm trừ vào gốc trái phiếu		*(1.238.557.700)*	*(1.238.557.700)*	-	*(782.246.972)*	*(456.310.728)*	*(456.310.728)*
		416.534.002.122	**366.534.002.122**	**377.400.000.000**	**304.817.753.028**	**489.116.249.094**	**489.116.249.094**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(90.717.753.028)	(90.717.753.028)	(201.263.689.272)	(100.717.753.028)	(191.263.689.272)	(191.263.689.272)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		**325.816.249.094**	**275.816.249.094**			**297.852.559.822**	**297.852.559.822**

c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Đối tượng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
(1)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành	120 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thanh toán tái cấu trúc dư nợ các khoản vay theo các hợp đồng trung dài hạn số 1612-ĐĐ-CG/HĐTD-LienVietPostBank ngày 17/06/2012 và 1712-ĐĐ-CG/HĐTD-LienVietPostBank ngày 17/06/2012 ký giữa Bên vay và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Đông Đô; là các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán đối với Dự án	Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản thuộc Dự án thủy điện Nậm La, quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 43/EVNNPC- B9 ngày 30/07/2010 ký giữa Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và các biện pháp đảm bảo khác theo yêu cầu của bên cho vay
(2)	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	180 tháng	9,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản đảm bảo là toàn bộ Tài sản hình thành sau đầu tư dự án và các tài sản có thể hình thành trong tương lai.
(3)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	84 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Bù đắp các chi phí đã tham gia vào dự án thủy điện Đắk Glun	Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy thủy điện ĐăkGlun
(4)	Ông Vũ Tuấn Cường	24 tháng	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Phụ lục 04 : VAY (tiếp theo)

d. Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường:

Loại trái phiếu: Trái phiếu phát hành theo mệnh giá.
Thời hạn trái phiếu là 03 năm; Lãi suất cố định 10,2%/năm cho 4 kỳ thanh toán đầu tiên; Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sau 04 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 4%/năm. Lãi được trả định kỳ 06 tháng/lần.
Tổng giá trị đã phát hành: Khối lượng đã phát hành là 1.381 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có đảm bảo bằng tài sản. Mệnh giá trái phiếu 100.000.000 VND/trái phiếu.
Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động, thanh toán cho các giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Hình thức bảo đảm: Toàn bộ nhà máy trạm phân phối Nhà máy Thủy điện Nậm La, toàn bộ công trình tuyến năng lượng đập đầu mối thuộc nhà máy thủy điện Nậm La, toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ hoạt động nhà máy Thủy điện Nậm La.
Số dư tại ngày 01/01/2023: 138.100.000.000 VND
Số dư tại ngày 31/12/2023: 131.800.000.000 VND
Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng vốn đúng mục đích phát hành trái phiếu
Bên liên quan nắm giữ trái phiếu: Không có

e. Các khoản vay với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2023		01/01/2023	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn của Công ty mẹ	55.400.000.000	942.558.904	-	-

Phụ lục 05 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	1.086.767.527	18.559.379.796	18.022.003.642	-	1.624.143.681
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	59.886.225	59.886.225	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.682.641.190	5.390.435.110	5.371.945.298	111.839.289	3.812.970.291
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	23.708.260	2.267.177.340	2.296.797.810	12.642.731	6.730.521
- Thuế Tài nguyên (*)	-	937.678.824	18.056.633.514	18.158.097.596	-	836.214.742
- Các loại thuế khác	-	-	26.612.285	3.000.000	-	23.612.285
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	400	1.093.823.450	10.031.611.518	9.299.645.337	400	1.825.789.631
	400	**6.824.619.251**	**54.391.735.788**	**53.211.375.908**	**124.482.420**	**8.129.461.151**

(*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 06 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**Cộng (Đã điều chỉnh)**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**315.000.000.000**	**6.269.146.494**	**-**	**(4.961.928.533)**	**95.457.153.132**	**411.764.371.093**
Lãi trong năm trước	-	-	-	59.130.465.703	12.271.473.204	71.401.938.907
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(252.000.000)	-	(252.000.000)
Số dư cuối năm trước	**315.000.000.000**	**6.269.146.494**	**-**	**53.916.537.170**	**107.728.626.336**	**482.914.310.000**
Lãi trong năm nay	-	-	-	22.696.442.094	5.732.157.229	28.428.599.323
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	5.085.929.482	-	(5.882.021.016)	(733.089.282)	(1.529.180.816)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty	-	11.846.559.541	5.145.355.492	(51.789.554.918)	-	(34.797.639.885)
Số dư cuối năm nay	**315.000.000.000**	**23.201.635.517**	**5.145.355.492**	**18.941.403.330**	**112.727.694.283**	**475.016.088.622**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 05 năm 2023 của Công ty con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ	Công ty con phân phối cho		Cộng
		Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát	
	(1)	(2)		(3)=(1)+(2)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	11.846.559.541	5.085.929.483	4.683.431.797	16.932.489.024
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5.145.355.492	-	-	5.145.355.492
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.961.639.885	508.512.093	976.780.816	3.470.151.978
Thù lao HĐQT, BKS	336.000.000	287.579.440	552.400.000	623.579.440
Chi trả cổ tức	31.500.000.000	-	-	31.500.000.000
Tổng Lợi nhuận đã phân phối	**51.789.554.918**	**5.882.021.016**	**6.212.612.613**	**57.671.575.934**

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Web:vcpholdings.com.vn/namla/

Số: 03/2024/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 05 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và tạm ứng cổ tức năm 2024)

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;
- Căn cứ Tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần thủy điện Nậm La.

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và tạm ứng cổ tức năm 2024, cụ thể như sau:

1- Phân phối lợ nhuận năm 2023

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận năm 2023 sau thuế thu nhập	27.238.729.622
2	Trả thù lao HĐQT,BKS năm 2023	308.000.000
3	Phân phối lợi nhuận năm 2023 (1-2)	26.930.729.622
a	Chi trả cổ tức (5%*VĐL)	15.750.000.000
b	Trích quý đầu tư phát triển (LNPP-a)*60%	6.708.437.773
c	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (LNPP-a-b)	4.472.291.849

Thời gian chi trả cổ tức: ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định thời gian chi trả phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

2- Tạm ứng cổ tức năm 2024:

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức tạm ứng và thời gian tạm ứng cổ tức năm 2024, phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua!

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Web:vcpholdings.com.vn/namla/

Số: 02/2024/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 05 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024)

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;
- Căn cứ Tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần thủy điện Nậm La.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024, như sau:

1. Quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2023:

- Tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2023 kế hoạch: **336.000.000** đồng;
- Tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2023 đã chi: **336.000.000** đồng.

Trong đó:

- Số tiền thù lao cho HĐQT năm 2023 đã chi: **252.000.000** đồng;
- Số tiền thù lao cho BKS năm 2023 đã chi: **84.000.000** đồng.

2. Kế hoạch trả tiền thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024:

Nguyên tắc trả tiền thù lao: Các thành viên HĐQT và BKS được hưởng theo chỉ tiêu Kế hoạch giá trị sản xuất kinh doanh của Công ty theo các năm, được trích từ lợi nhuận sau thuế và các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn của Công ty để chi trả.

Mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2024 như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao tháng (đồng)	Tổng số tiền thù lao/năm (đồng)
I	**Hội đồng Quản trị**				**252.000.000**
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	12	4.000.000	192.000.000
II	**Ban Kiểm soát**				**84.000.000**
1	Trưởng BKS	1	12	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên BKS	2	12	2.000.000	48.000.000
	Tổng cộng:				**336.000.000**

Bằng chữ: Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn.

Tiền thù lao của HĐQT và BKS được trả hàng quý và được quyết toán vào cuối năm tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Web:vcpholdings.com.vn/namla/

Số: 01/2024/TTr-BKS

Sơn La, ngày 05 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024)

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội; và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;
- Căn cứ Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

Ban kiểm soát Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tiêu chí các công ty kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La như sau:

1. Công ty kiểm toán có trong danh sách được Bộ Tài chính và UBCK Nhà nước xét đủ điều kiệm kiểm toán đối với công ty có lợi ích công chúng.
2. Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty đàm phán và lựa chọn một trong các công ty kiểm toán đạt tiêu chí trên để thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua!

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT
- Lưu VP, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đinh Thị Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Web:vcpholdings.com.vn/namla/

Số: 05/2024/TT-HĐQT

Sơn La, ngày 05 Tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận/quyết định về giao dịch Huy động vốn của Công ty năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La;*
- *Căn cứ vào tình hình và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La.*

Nhằm tái cấu trúc và sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được phép triển khai, phê duyệt việc huy động vốn dưới hình thức vay vốn và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật hiện hành (Sau đây gọi là "Các giao dịch huy động vốn"). Mục đích huy động vốn: tái cấu trúc toàn bộ các khoản vay nợ và bổ sung vốn lưu động của Công ty để tăng cường hiệu quả hoạt động;
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết bao gồm và không giới hạn việc phê duyệt các giao dịch huy động vốn, thế chấp tài sản liên quan đến việc huy động vốn, lựa chọn bên cho vay hoặc nhà đầu tư, quyết định giá trị huy động, mức lãi suất, thời hạn và phân bổ nguồn vốn huy động đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả nhất đối với các giao dịch huy động vốn có giá trị trên 35% tổng tài sản của Công ty nêu tại Báo cáo tài chính gần nhất (bao gồm Các giao dịch huy động vốn với Người có liên quan của Công ty).
3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết trong việc chia sẻ Tài sản đảm bảo có giá trị trên 35% tổng tài sản của Công ty nêu tại Báo cáo tài chính gần nhất với các Công ty có liên quan trong hệ thống VCP để huy động và phân bổ nguồn vốn huy động trong hệ thống VCP.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề nêu trên có hiệu lực thi hành trong năm 2024 và năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

VŨ NGỌC TÚ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM LA
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
web:vcpholdings.com.vn/namla

Số: 04/2024/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 05 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Miễn nhiệm TV HĐQT và bầu bổ sung TV HĐQT)

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Tiến Khanh và Ông Thiều Quang Quyến
- Căn cứ văn bản Đề cử ứng viên HĐQT của cổ đông: Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

I. Miễn nhiệm thành viên HĐQT do thành viên HĐQT xin từ nhiệm:

1. Ông: Nguyễn Tiến Khanh - Phó CT HĐQT
2. Ông : Thiều Quang Quyến - TV HĐQT

II. Bầu bổ sung thành viên HĐQT, thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026:

1. Số lượng TV HĐQT bầu bổ sung: 02

2. Tiêu chuẩn và điều kiện: Đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

3. Thông tin ứng viên TV HĐQT:

- Bà: **Lại Thị Thủy** do Cổ đông Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP đề cử: Sơ yếu lý lịch kèm theo.
- Ông**: Trần Trung Thiện** do Cổ đông Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP đề cử: Sơ yếu lý lịch kèm theo

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người tự ứng cử/được đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La)

1. Họ và tên: **Lại Thị Thuỷ**
2. Giới tính: Nữ
3. Số CCCD/Hộ chiếu: 022180002502 Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: CCS
4. Ngày tháng năm sinh: 24/02/1980
5. Nơi sinh: Quảng Ninh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nguyên quán: Hải Phòng
9. Hộ khẩu thường trú: P1605 G5 toà Five star số 2 Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội
10. Nơi ở hiện nay: P1605 G5 toà Five star số 2 Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội
11. Số điện thoại liên lạc: 1985.798.423
12. Trình độ văn hóa: 12/12
13. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế thuỷ lợi
14. Trình độ ngoại ngữ:
15. Quá trình công tác:

- Từ 2003 đến T3/2011: Phòng Thi công dự toán – Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Thuỷ lợi Việt Nam
- Từ T4/2011 đến T9/2014: Phòng Quản lý dự án – Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex
- Từ T10/2014 đến nay: Phòng Kinh tế Kỹ thuật Công ty Cổ phần Thuỷ điện Xuân Minh

16. Chức vụ hiện nay:
17. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác (nếu có): Trưởng phòng KTKT Công ty Cổ phần Thuỷ điện Xuân Minh
18. Số cổ phần đang sở hữu hoặc ủy quyền đại diện tại Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La: 0 cổ phần.
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La: Không

Tôi cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Xác nhận thông tin kê khai là đúng!

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người khai

Lại Thị Thuỷ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ CỬ

Ứng viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La
(Bầu bổ sung thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026)

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La

Tên cổ đông: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP**

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số: 2800799804

Cấp ngày: 16 tháng 05 năm 2022 tại: Phòng ĐKKD của Sở Kế hoạch đầu tư TP Hà Nội, thay đổi lần thứ 15

Địa chỉ liên lạc: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ/đại diện: 26.070.880 cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Đồng ý đề cử

Bà: **LẠI THỊ THỦY**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 022180002502

Cấp ngày: 10 tháng 7 năm 2021 tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P1605 G5 Tòa Five star, Số 2 Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Làm ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La ngày 05/04/2024

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 2024

Cổ đông đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là pháp nhân)

M.S.D.N: 2800799804-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Vũ Ngọc Tú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ CỬ

Ứng viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La
(Bầu bổ sung thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026)

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La

Tên cổ đông: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP**

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số: 2800799804

Cấp ngày: 16 tháng 05 năm 2022 tại: Phòng ĐKKD của Sở Kế hoạch đầu tư TP Hà Nội, thay đổi lần thứ 15

Địa chỉ liên lạc: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ/đại diện: 26.070.880 cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Đồng ý đề cử

Ông: **TRẦN TRUNG THIỆN**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 014075000496

Cấp ngày: 06 tháng 4 năm 2021 tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: SN 6A, ngõ 8 Trần Hưng Đạo, Tổ 6 Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

Làm ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La ngày 05/04/2024

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 2024

Cổ đông đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là pháp nhân)

M.S.D.N: 2800799804-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Vũ Ngọc Tú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người tự ứng cử/được đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát
Công ty CP Thủy điện Nậm La, nhiệm kỳ 2021-2026)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

1. Họ và tên: **TRẦN TRUNG THIỆN**
2. Giới tính: Nam
3. Số CMTND/Hộ chiếu: 014075000496 ngày cấp 6/4/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
4. Ngày tháng năm sinh: 29/03/1975
5. Nơi sinh: Sơn La
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nguyên quán: Thôn Cát Dương, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
9. Hộ khẩu thường trú: Tổ 6 Quyết Thắng – TP Sơn La
10. Nơi ở hiện nay: SN 6A ngõ 8 Trần Hưng Đạo -Tổ 6 Quyết Thắng – TP Sơn La
11. Số điện thoại liên lạc: 0964.857.727
12. Trình độ văn hóa: 12/12
13. Trình độ chuyên môn: Đại học kỹ thuật Công Nghiệp – chuyên khoa Điện
14. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng anh
15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian công tác, đơn vị công tác, chức vụ nghề nghiệp):

Từ 2000-2004	Làm việc tại Phân xưởng thí nghiệm thiết kế điện – Điện Lực Sơn La; Chức vụ: Kỹ thuật viên.
Từ T1/2005-5/205	Làm việc tại Phòng kinh doanh – Điện lực Sơn La; Chức vụ: Chuyên viên
Từ T6/2005-2007	Làm việc tại Chi nhánh điện Phù Yên; Chức vụ: Phó chi nhánh phụ trách kỹ thuật.
Từ 2008-2009	Làm việc tại Công ty CP Thủy điện Nậm Pia; Chức vụ: GĐ Công ty.
Từ 2010-2011	Làm việc tại Công ty CP Thủy điện VIWASEEN Tây Bắc; Chức vụ: Phó phòng kỹ thuật Công ty.
Từ 2011-nay	Làm việc tại Công ty CP Thủy điện Nậm La;

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty, Kiêm giám đốc nhà máy thủy điện Nậm La và nhà máy thủy điện Tắt Ngoẵng.

16. Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Nậm La Kiêm giám đốc nhà máy thủy điện Nậm La và nhà máy thủy điện Tắt Ngoẵng..
17. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác (nếu có): Không có
18. Số cổ phần đang sở hữu hoặc ủy quyền đại diện tại Công ty CP Thủy điện Nậm La: 64.000 cổ phần, trong đó:
    - Số cổ phần được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần
    - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 64.000 cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty CP Thủy điện Nậm La: Không có

Tôi cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy điện Nậm La và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày...8....tháng 3 năm 2024

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền *(Xác nhận chính quyền địa phương hoặc cơ quan cá nhân đang làm việc)*	**Người khai** *(Ký và ghi rõ họ tên)* *Trần Trung Thiện*

M.S.D.N: 5500290578-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA
TP. SƠN LA - T. SƠN LA

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Quang Minh